

TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD
TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Số: 386 /ICDLB - HC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 13 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

- Mã chứng khoán: **ILB**
- Địa chỉ: **Số 10 Phan Đăng Lư, KP7, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai**
- Điện thoại liên hệ: 0251 6255 999 Fax: 0251 6501 826
- Email: tuannq@icdlongbinh.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình công bố Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/03/2024 tại đường dẫn <https://icdlongbinh.com/quanhecodong/category/144>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /

Tài liệu đính kèm:

- Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Phan Anh Tuấn



**TAN CANG
LONG BINH ICD**

TRUST IS ALL

**TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**

Biên Hòa, tháng 3/2025



**DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

STT	Tên tài liệu
1.	Danh mục.
2.	Chương trình họp ĐHĐCĐ.
3.	Quy chế làm việc tại Đại hội.
4.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) và Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2024, định hướng năm 2025.
5.	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024.
6.	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 riêng và hợp nhất đã kiểm toán.
7.	Tờ trình kết quả kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2024.
8.	Tờ trình kế hoạch kinh doanh, tiền lương đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2025.
9.	Tờ trình thù lao HDQT, BKS và Thư ký công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025.
10.	Tờ trình lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và kiểm toán BCTC năm 2025.
11.	Tờ trình thông qua các Hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan.
12.	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ – ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024.
13.	Mẫu Thẻ biểu quyết.
14.	Mẫu Phiếu biểu quyết.
15.	Dự thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
16.	Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
17.	Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất).



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

Thời gian: 08 giờ 30, Thứ năm - ngày 17 tháng 04 năm 2025

Địa điểm: Số 10 Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Thời gian	Nội dung
8:30 – 9:00	Đón khách và kiểm tra tư cách đại biểu và cổ đông: <ul style="list-style-type: none">• Đón tiếp đại biểu và cổ đông;• Kiểm tra tư cách đại biểu, phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tài liệu Đại hội.
9:00 – 9:15	Khai mạc Đại hội: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;• Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa;• Chủ tọa giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban Kiểm phiếu, giới thiệu Thư ký, Ban kiểm tra tư cách đại biểu;• Thông qua Quy chế làm việc;• Thông qua chương trình Đại hội;
9:15 – 9:35	Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát trình bày các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2024, định hướng năm 2025;• Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024;
9:35 – 9:50	Các nội dung tờ trình Đại hội: <ul style="list-style-type: none">• Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 riêng và hợp nhất đã kiểm;• Tờ trình kết quả kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2024;• Tờ trình kế hoạch kinh doanh, tiền lương đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2025;

Thời gian	Nội dung
	<ul style="list-style-type: none"> • Tờ trình thù lao HĐQT, BKS và Thư ký công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025; • Tờ trình lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và kiểm toán BCTC năm 2025; • Tờ trình thông qua các hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan; • Báo cáo tình hình triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ – ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024; • Nội dung khác (nếu có).
9:50 – 10:20	Đại hội thảo luận.
10:20 – 10:30	Hướng dẫn biểu quyết và Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình.
10:30 – 10:45	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu bầu cử.
10:45 – 10:50	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
10:50 – 11:00	Thư ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ; Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
11:00 – 11h15	Tuyên bố bế mạc Đại Hội.

Ghi chú: Chương trình có thể được điều chỉnh/ thay đổi tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông chính thức diễn ra vào ngày 17/4/2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng áp dụng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng -

Long Bình.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày **03/03/2025** đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ. Trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ, cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- a) Đăng ký dự họp qua điện thoại, fax, các phương thức điện tử khác....
- b) Ủy quyền đại diện tham dự đại hội. Trường hợp cổ đông tổ chức có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. (Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

d) Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCD khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đại biểu đăng ký dự họp phải xuất trình Thư mời, Định danh điện tử mức 2/ Thẻ Căn cước công dân/ Thẻ Căn cước/ Hộ chiếu bản gốc và giấy ủy quyền hợp lệ nếu được ủy quyền tham dự Đại hội.
- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân... theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các Thành viên.
- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;

- Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - + Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - + Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - + Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - + Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - + Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - + Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - + Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ; hoặc
 - + Khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng Đại biểu dự họp cần thiết
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
 - + Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- + Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - + Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - + Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - + Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - + Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - + Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - + Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - + Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - + Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - + Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
 - + Lập thống kê số phiếu biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn và công bố trước Đại hội đồng cổ đông;
 - + Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho thư ký.

4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban Kiểm tra tư cách đại biểu.

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
 - + Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - + Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản/hình thức khác.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự DHDGD). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết trực tiếp thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:
 - + Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Nhân sự Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban Kiểm phiếu; Quy chế làm việc tại Đại hội; Chương trình Đại hội; Biên bản Đại

- hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
- + Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2024, định hướng năm 2025; Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024; Báo cáo tài chính năm 2024 riêng và hợp nhất đã kiểm và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này. Trường hợp bỏ phiếu trực tiếp/bỏ phiếu từ xa (thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện

khác theo quy định tại Điều lệ công ty) phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- + Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên (được viết tay) của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.
- + Trong một Phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết

- Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 03/03/3035) tổng số cổ phần của Công ty là: 24.502.245 cổ phần tương đương với 24.502.245 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Lưu ý:
 - + Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có với đối tượng theo quy định khoản 9 Điều 46 Điều lệ Công ty và có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ

ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo điểm a Khoản 11 và Khoản 12, Điều 46, Điều lệ công ty).

- + Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo điểm b Khoản 11 và Khoản 12 Điều 46 Điều lệ công ty).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Đối với những vấn đề có tính chất phức tạp và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

5. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp

luật có liên quan.

- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
 - + Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - + Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

✓

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban GD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Văn Tiên
PHAN VĂN TIÊN

Biên Hòa, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024, ĐỊNH HƯỚNG 2025**

PHẦN 1: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Triệu Phú	Chủ tịch	27/04/2023	17/04/2024
2	Phan Văn Tiến	Chủ tịch	17/04/2024	
3	Phan Anh Tuấn	Thành viên	27/04/2023	
4	Cao Ngọc Đức	Thành viên HĐQT độc lập	27/04/2023	
5	Phạm Văn Phòng	Thành viên không điều hành	27/04/2023	17/04/2024
6	Nguyễn Đức Anh	Thành viên không điều hành	27/04/2023	
7	Hà Anh Dũng	Thành viên không điều hành	17/04/2024	

Số thành viên HĐQT làm việc trực tiếp tại Công ty là 02 người, số thành viên HĐQT không làm việc trực tiếp tại Công ty là 02 người.

Cơ cấu HĐQT đảm bảo có 1/3 thành viên HĐQT không điều hành và có 1 thành viên HĐQT độc lập theo quy định đối với công ty niêm yết.

Các cuộc họp của HĐQT (trực tiếp, lấy ý kiến văn bản)

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Triệu Phú (**)	1/4	25%	Miễn nhiệm từ ngày 17/04/2024

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
2	Phan Văn Tiến (*)	3/4	50%	Bầu bổ sung từ ngày 17/04/2024
3	Phan Anh Tuấn	4/4	100%	
4	Cao Ngọc Đức	4/4	100%	
5	Phạm Văn Phòng (**)	1/4	50%	Miễn nhiệm từ ngày 17/04/2024
6	Nguyễn Đức Anh	4/4	100%	
7	Hà Anh Dũng (*)	3/4	50%	Bầu bổ sung từ ngày 17/04/2024

(*) Các thành viên tham gia HĐQT từ ngày 17/04/2024

(**) Các thành viên miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 17/04/2024.

2. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với định hướng, chỉ đạo của HĐQT để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty.

Ban giám đốc đã triển khai đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024, triển khai các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch, bảo đảm an toàn và duy trì hoạt động kinh doanh công ty liên tục với kết quả kinh doanh 2024 **tổng doanh thu hợp nhất: 509.878 triệu đồng đạt 93,33%; lợi nhuận hợp nhất sau thuế: 103.198,03 triệu đồng đạt 99,34% so với cùng kỳ.**

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban giám đốc trong bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh và công tác quản trị điều hành.

Trong năm 2024, qua các phiên họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị công ty đã ban hành các Nghị quyết HĐQT theo đúng trình tự, thủ tục của Điều lệ, Quy chế quản trị về nội bộ công ty và Quy chế hoạt động HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung chủ yếu
1	02/2024/NQ - HĐQT	05/02/2024	V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án hợp tác đầu tư xây

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung chủ yếu
			dựng kho hàng số 26, 27 tại khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình 76ha theo hình thức hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân Cty CP ICD Tân Cảng - Long Bình và Cty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng
2	04/2024/NQ - HĐQT	29/02/2024	V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
3	06/2024/NQ - HĐQT	27/03/2024	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024
4	08/2024/NQ - HĐQT	17/04/2024	Về việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028
5	10/2024/NQ - HĐQT	28/06/2024	Về việc thông qua triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
6	11/2024/NQ - HĐQT	28/06/2024	Về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
7	12/2024/NQ - HĐQT	28/06/2024	Về việc thông qua triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
8	13/2024/NQ - HĐQT	28/06/2024	V/v ban hành Quy chế công bố thông tin
9	14/2024/NQ - HĐQT	28/06/2024	Về việc thực hiện chi trả cổ tức 2023
10	15/2024/NQ - HĐQT	28/06/2024	Về việc bổ nhiệm nhân sự Phó Giám đốc công ty

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung chủ yếu
11	16/2024/NQ - HĐQT	28/06/2024	<p>Các nội dung họp định kỳ</p> <p>1/ Kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2024 và dự kiến cả năm 2024</p> <p>2/ Báo cáo hoạt động của Công ty CP Tiếp Vận Thành Long 6 tháng năm 2024</p> <p>3/ Nhân sự tham gia hợp tác kinh doanh (không thành lập pháp nhân)</p> <p>4/ Thang bảng lương mới công ty</p> <p>5/ Chủ trương cho phép bên thuê mái chuyển giao Hợp đồng thuê mái nhà kho cho bên thứ ba</p> <p>6/ Quy chế quản lý nợ Công ty</p> <p>7/ Thù lao HĐQT, BKS 6 tháng đầu năm 2024.</p>
12	18/2024/NQ – HĐQT	10/08/2024	<p>Điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án hợp tác đầu tư xây dựng kho hàng số 26, 27 tại khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình 76ha</p> <p>+ Điều chỉnh phương thức lựa chọn nhà thầu của gói thầu XL-01 và XL-02</p> <p>+ Các nội dung còn lại của Nghị quyết</p>
13	21/2024/NQ – HĐQT	27/09/2024	<p>1/ Thông qua Kết quả kinh doanh, tiền lương, đầu tư, tài chính 9 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2024.</p> <p>2/ Thông qua Báo cáo hoạt động 09 tháng đầu năm của Công ty CP</p>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung chủ yếu
			<p>Tiếp Vận Thành Long</p> <p>3/ Giao CTHDQT, Giám đốc thực hiện chi trả thưởng cho các tập thể, cá nhân liên quan theo mức thù lao và khen thưởng Ban quản trị hợp doanh chi trả cho đại diện ICDB tham gia Ban quản trị hợp doanh</p> <p>4/ Thống nhất chủ trương v/v xử lý các khoản nợ tồn đọng của các công ty Công ty CP Tiến Nga, Công ty CP Tân Vĩnh Cửu theo phương án cản trừ khoản tiền đặt cọc</p> <p>5/ Thí điểm chính sách hoa hồng cho cảng cạn</p>
14	22/2024/NQ – HĐQT	02/10/2024	<p>Điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án hợp tác đầu tư xây dựng kho hàng số 26, 27 tại khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình 76ha với một số nội dung chính như sau (lần 2):</p>
15	25/2024/NQ- HĐQT	27/12/2024	<p>1/ Báo cáo kết quả kinh doanh, đầu tư, tài chính và lao động tiền lương năm 2024 và 1 số chỉ tiêu kinh doanh 2025.</p> <p>2/ Báo cáo hoạt động Công ty CP Tiếp Vận Thành Long năm 2024 và kế hoạch 2025</p> <p>3/ Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT quý 3/2024</p> <p>4/ Phương án vay vốn và sử dụng vốn vay cho Dự án hợp tác đầu tư</p>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung chủ yếu
			<p>xây dựng kho hàng số 26, 27 tại khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình 76ha.</p> <p>5/ Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025</p> <p>6/ Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp 2021 – 2025</p> <p>7/ Chính sách kinh doanh, chính sách khách hàng năm 2025</p> <p>8/ Kế hoạch kiểm toán nội bộ 2025 của Ban kiểm toán nội bộ</p>

3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Công ty có 01 thành viên HĐQT độc lập. Thành viên HĐQT độc lập đóng vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; góp ý định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh cho Hội đồng quản trị.

Thành viên HĐQT độc lập đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Theo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập, HĐQT đã hoạt động và thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc và người điều hành khác:

Trong năm 2024, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với định hướng, chỉ đạo của HĐQT để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty.

Thông qua các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với định hướng, chỉ đạo của HĐQT để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty, đánh giá cao các giải pháp Ban điều hành đã triển khai thực hiện trong năm 2024 theo đó có nhiều khó khăn thách thức của kinh tế trong nước, cạnh tranh

gay gắt và biến động của thế giới, nguồn cung kho cao hơn nhu cầu ở khắp các tỉnh Đông Nam Bộ, đặc biệt là ở Bình Dương, Đồng Nai, Long An, khiến cạnh tranh vô cùng phức tạp. Tình hình khai thác các dịch vụ kho bãi của ICDLB trong năm gặp nhiều khó khăn, tỉ lệ khai thác kho bình quân chỉ đạt 80% kéo theo các dịch vụ logistics đi kèm cũng giảm.

Hội đồng quản trị vẫn đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh và công tác quản trị điều hành, cụ thể đã triển khai nhiều biện pháp bao gồm công tác kết nối hệ thống, tập trung nâng cao hiệu quả, quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị chi phí, thực hiện các chính sách kinh doanh linh hoạt để thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra, hoàn thành tốt các thủ tục pháp lý (pháp lý cảng cạn, giấy phép môi trường, thủ tục đấu thầu 2 kho 26, 27), doanh thu đạt tương đương 90%, lợi nhuận đạt 100% kế hoạch kinh doanh 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị nhấn mạnh và lưu ý Ban Giám đốc về các quy định pháp lý theo Luật đất đai 2024 trong đó có nội dung liên quan quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế có hiệu lực từ 01/08/2024 cùng với hàng loạt luật liên quan đến hoạt động kinh doanh (Luật kinh doanh bất động sản, Luật đấu thầu, các quy định pháp luật có liên quan đã được Quốc hội thông qua trong năm 2024); triển khai thủ tục tăng vốn điều lệ khi nhận được Quyết định chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước, phần đầu hoàn tất trong quý 2/2025.

Ban Giám đốc tập trung mở rộng kinh doanh trên 02 trụ cột: khai thác kho và khai thác cảng cạn; tập trung chú trọng bảo đảm chất lượng dịch vụ và thực hiện chính sách “khách hàng là trung tâm”; kiểm soát tốt chi phí, công nợ để gia tăng hiệu quả kinh doanh, kết nối thông tin khách hàng để giới thiệu và chào hàng dịch vụ; áp dụng chính sách giá linh hoạt đối với các khách hàng của các đơn vị trong hệ thống; bám nắm, tham gia các dự án cung cấp dịch vụ 3PL và cảng từng bước cung cấp dịch vụ kho chuyên sâu - kết nối dịch vụ cảng; triển khai các giải pháp cải cách tiền lương, các biện pháp cải cách hành chính; Tiếp tục nhân rộng áp dụng quản lý, khai thác kho bãi bằng phần mềm, tiết giảm chi phí và bảo đảm chất lượng dịch vụ, gia tăng hiệu quả và cạnh tranh của công ty. Tăng cường nâng cấp hạ tầng, đầu tư ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành đơn vị và cung cấp dịch vụ; xây dựng mô hình “kho hàng thông minh, kho hàng xanh, cảng xanh”; hướng đến mục tiêu phát triển bền vững (ESG).

5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Công ty thực hiện chi trả lương cho Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Giám đốc kiêm TV HĐQT và thù lao cho các thành viên HĐQT còn lại.

Thù lao, tiền lương, thưởng tính theo năm tài chính (01/01/2024 đến 31/12/2024) của Hội đồng quản trị như sau:

STT	Tên	Chức vụ	Thù lao, tiền lương, thưởng, lợi ích khác (đồng)	Ghi chú
1	Trần Triệu Phú (**)	Chủ tịch HĐQT	415.702.265	Tiền lương, tiền thưởng Người quản lý, các lợi ích khác
2	Phan Văn Tiến (*)	Chủ tịch HĐQT	464.660.560	Tiền lương, tiền thưởng Người quản lý, các lợi ích khác
3	Phan Anh Tuấn	Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty	1.010.043.117	Tiền lương, tiền thưởng Người quản lý, các lợi ích khác
4	Cao Ngọc Đức	Thành viên HĐQT độc lập	84.000.000	Thù lao
5	Phạm Văn Phòng (**)	Thành viên HĐQT	17.500.000	Thù lao
6	Nguyễn Đức Anh (***)	Thành viên HĐQT	84.000.000	Thù lao
7	Hà Anh Dũng (*)	Thành viên HĐQT	59.500.000	Thù lao

(*) Các thành viên tham gia HĐQT từ ngày 17/04/2024

(**) Các thành viên miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 17/04/2024.

(***) Thù lao chuyển về Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, Thời điểm phát sinh: 01/01/2024 đến 31/12/2024 (từ quỹ lương, quỹ thưởng, thù lao, phụ cấp liên quan từ hoạt động công ty).

6. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Mục tiêu: các chỉ tiêu kinh tế chính năm 2025 tăng 8% so với năm 2024; 100% các dự án đầu tư, mua sắm thực hiện đúng quy định của pháp luật, đạt tiến độ, chất lượng yêu cầu.

Một số nội dung công tác trọng tâm như sau:

- Duy trì các kì họp HĐQT, kịp thời xem xét, thống nhất, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy

chế hoạt động thuộc HĐQT.

- Giám sát hoạt động của Ban giám đốc và đánh giá định kì và đột xuất (Bao gồm tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT; thực hiện các quy chế có liên quan).

- Giám sát, quản lý các khoản đầu tư công ty ra ngoài doanh nghiệp (thông qua người đại diện phân vốn tại các doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, mua cổ phần). Thực hiện thoái vốn tại Công ty CP đầu tư ICD Tân Long theo đúng trình tự thủ tục và bảo đảm.

- Tăng cường vai trò của Kiểm toán nội bộ giúp HĐQT kiểm soát tính tuân thủ đối với các quy định của công ty.

- Duy trì và bảo đảm tính tuân thủ pháp luật đối với công ty niêm yết theo quy định Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp. Bảo đảm chất lượng công bố thông tin.

- Giám sát hoạt động đầu tư xây dựng 2 kho 26, 27 Khu dịch vụ Long Bình bảo đảm đúng trình tự, thủ tục chặt chẽ, đúng tiến độ, công trình chất lượng và hiệu quả tài chính và đưa vào khai thác có hiệu quả.

- Triển khai trụ cột kinh doanh cốt lõi thứ hai 02 mới thành lập: Dịch vụ khai thác Cảng và logistic hiệu quả, nâng cao năng lực, mở rộng thị trường, phát triển nhanh, bền vững của công ty.

Thực hiện báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ – ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024, đăng ký, lưu ký và đưa cổ phiếu phát hành thêm giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán TPHCM theo đúng quy định pháp luật.

- Phát triển sản xuất kinh doanh theo hướng số hóa, xanh hóa và cải cách hành chính dựa trên 3 nền tảng quản trị doanh nghiệp và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành triển khai các giải pháp về đầu tư, kinh doanh, thu hút khách hàng, hăng tàu, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển mở rộng dịch vụ, xây dựng ICDLB là nhà cung cấp dịch vụ Logistics chuyên nghiệp, Trung tâm Logistics xanh, hiện đại dựa trên 2 trụ cột kinh doanh; triển khai các giải pháp nâng cao CLDV lấy **“Khách hàng là trung tâm”**. xây dựng uy tín, thương hiệu ICDLB lên tầm cao mới, thực hiện tốt bộ quy tắc văn hóa ứng xử của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn. Đột phá, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý, quản trị, điều hành, sản xuất để nâng cao năng suất lao động, áp dụng sử dụng năng lượng xanh giảm phát thải khí CO₂, áp dụng các tiêu chuẩn xây dựng kho xanh, cảng xanh đề nghị tổ chức quốc tế cấp giấy chứng nhận.

II. BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH

1. Giao dịch giữa Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên cá nhân, tổ chức (MSDN)	Mối quan hệ với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)	Ghi chú
1	Cty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn (1) (Công ty mẹ)	0300514849 cấp ngày 30/06/2010 tại Sở KH&ĐT Tp.HCM	722 Điện Biên Phủ, P.22, Quận Bình Thạnh, TPHCM	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHĐCĐ 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Mua dịch vụ: 71.111,47 triệu đồng Bán dịch vụ: 22.012,36 triệu đồng Trả cổ tức: 26.495,53 triệu đồng	
2	Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Công ty con	3602427771 cấp ngày 24/12/2010 tại Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai	Số 10, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHĐCĐ 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Mua dịch vụ: 3.759,09 triệu đồng Bán dịch vụ: 1.751,22 triệu đồng Nhận cổ tức: 12.434,06 triệu đồng	

STT	Tên cá nhân, tổ chức (MSDN)	Mối quan hệ với công ty	Số Giấy NSH*; ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)	Ghi chú
3	Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0309532497 cấp ngày 04/01/2010 tại Sở KH&ĐT Tp.HCM	Cảng Tân Cảng Cát Lái, Phường Cát Lái, TP Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHĐCĐ 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Mua dịch vụ: 44,03 triệu đồng	
4	Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0305322467 cấp ngày 19/11/2007 tại Sở KH&ĐT Tp.HCM	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, VN	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHĐCĐ 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Mua dịch vụ: 10.589,41 triệu đồng Bán dịch vụ: 76,82 triệu đồng	
5	Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Liên quan cổ đông lớn (1)	3502263110 cấp ngày 09/09/2014 tại Sở KH&ĐT	Khu phố Ông Trịnh, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHĐCĐ 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Mua dịch vụ: 1.657,60 triệu đồng	

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

STT	Tên cá nhân, tổ chức (MSDN)	Mối quan hệ với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)	Ghi chú
			Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Bà Rịa Vũng Tàu				
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0305736891 cấp ngày t12/05/2008 tại Sở KH&ĐT Tp.HCM	Tân Cảng Sài Gòn - Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHĐCĐ 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Mua dịch vụ: 3.046,82 triệu đồng Bán dịch vụ: 42,65 triệu đồng	
7	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0310421671 cấp ngày 01/11/2010 tại Sở KH&ĐT Tp.HCM	722 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHĐCĐ 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Mua dịch vụ: 473,54 triệu đồng	
8	Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng -	Liên quan cổ đông lớn	3501473524 cấp ngày	Tầng 7 tòa nhà Saigon Newport,	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHĐCĐ 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Mua dịch vụ: 72,53 triệu đồng	

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

STT	Tên cá nhân, tổ chức (MSDN)	Mối quan hệ với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)	Ghi chú
	Cái Mép	(1)	04/09/2009 tại Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Phường Tân Phước, Thị Xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu			Bán dịch vụ: 118,05 triệu đồng	
9	Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	Liên quan cổ đông lớn (1)	0311241960 cấp ngày 16/09/2011 tại Sở KH&ĐT Tp.HCM	Khu Cảng Cát Lái, Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Quận 2, TP.HCM	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHĐCĐ 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Mua dịch vụ: 493,51 triệu đồng	
10	Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0316135980 cấp ngày 10/02/2020 tại Sở KH&ĐT	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh,	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHĐCĐ 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Mua dịch vụ: 731,17 triệu đồng Bán dịch vụ: 13,46 triệu đồng	

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

STT	Tên cá nhân, tổ chức (MSDN)	Mối quan hệ với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHQĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)	Ghi chú
			Tp.HCM	Việt Nam				
11	Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	Người có liên quan của Phó Giám đốc công ty	3603419910 cấp ngày 08/11/2016 tại Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai	Số 10, Đường Phan Đăng Lưu, Khu Phố 7, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHQĐ 02/2024/NQ-ĐHQĐ	Mua dịch vụ: 2.505,45 triệu đồng Bán dịch vụ: 5.017,94 triệu đồng Nhận cổ tức: 268,53 triệu đồng	
12	Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	Liên quan cổ đông lớn (1)	3502294165 cấp ngày 30/11/2015 tại Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Khu Phố Tân Lộc, Phường Phước Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHQĐ 02/2024/NQ-ĐHQĐ	Mua dịch vụ: 49,66 triệu đồng Bán dịch vụ: 4.177,18 triệu đồng	
13	Công ty CP ICD Tân Cảng – Sóng Thần	Liên quan cổ đông lớn (1)	3700785006 cấp ngày 27/03/2007 tại	Số 7/20 Đường ĐT 743, Khu phố Bình Dáng,	01/01 - 31/12	02/2023/NQ-ĐHQĐ 02/2024/NQ-ĐHQĐ	Bán dịch vụ: 199,80 triệu đồng	

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

STT	Tên cá nhân, tổ chức (MSDN)	Mối quan hệ với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)	Ghi chú
14	Ngân hàng TMCP Quân đội	Liên quan đến cổ đông lớn Công ty TNHH MTV Quản Lý Nợ Và Khai Thác Tài Sản Ngân hàng TMCP Quân đội (7,65%)	Số KH&ĐT Tỉnh Bình Dương 0100283873 cấp ngày 30/09/1994 tại Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương Số 18 - Đường Lê Văn Lương - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - Tp. Hà Nội	01/01 - 31/12		Nhận cổ tức: 552,63 triệu đồng	
15	Hội đồng quản trị,	Người nội		-	01/01 -	02/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Thù lao, tiền lương,	

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

STT	Tên cá nhân, tổ chức (MSDN)	Mối quan hệ với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)	Ghi chú
	Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng	bộ			31/12	02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	tiền thưởng: 4.621,64 triệu đồng	

2/ Các giao dịch liên quan khác:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con/ công ty do công ty nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)	Ghi chú
1	Phan Anh Tuấn	Người nội bộ	001085044027, 18/12/2024, Bộ Công an	06, đường Bùi Văn Hòa, K.P.11, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Công ty CP Tiếp Vận Thành Long	01/01 - 31/12	Thù lao và khen thưởng 2023: 54 triệu đồng	

III. CÁC NỘI DUNG KHÁC

1/ Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHCD ngày 17/04/2024 như sau:

STT	Nội dung Nghị quyết đã thông qua	Kết quả thực hiện
1.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo kinh doanh 2023, định hướng 2024.	Kết quả thực hiện năm 2024 (Công ty mẹ): - Tổng doanh thu: 490.675,39 triệu đồng, đạt 89,04% kế hoạch. - LNST: 103.760,80 triệu đồng, đạt kế hoạch 102,21% kế hoạch. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trình bày tại Báo cáo hoạt động kinh doanh 2024.
2.	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024	Đã thực hiện
3.	Tờ trình báo cáo tài chính năm 2023 (riêng và hợp nhất) của Công ty đã qua kiểm toán	Đã thực hiện
4.	Tờ trình kết quả kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2023	Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ 2023: đã thực hiện. Cổ tức: Ngày 16/09/2024, Công ty đã thanh toán 21,07%/mệnh giá cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt.
5.	Tờ trình chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận 2024	Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ 2024: theo Tờ trình về phân phối lợi nhuận 2024 đính kèm trình ĐHCD thường niên 2025
6.	Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch 2024	Thực hiện theo phê duyệt (Trình bày tại Báo cáo lương, thù lao của HĐQT, BKS 2024 và kế hoạch 2025)
7.	Tờ trình lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2024 và BCTC kiểm toán năm 2024	Đã thực hiện ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán PwC.
8.	Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028	Đã thực hiện
9.	Thông qua Tờ trình	Đã thực hiện

STT	Nội dung Nghị quyết đã thông qua	Kết quả thực hiện
	bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 Và thông qua kết quả bầu cử của bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028.	
10.	Tờ trình thông qua các Hợp đồng giao dịch với các bên có liên quan	Công ty đã ký kết theo đúng quy định (các hợp đồng/giao dịch ký với bên liên quan của Công ty đã được trình bày Thuyết minh của Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán).
11.	Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ	Đang thực hiện Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 39/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/02/2025 và Văn bản số 856/UBCK-QLCB của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của ILB và đang triển khai các thủ tục tăng vốn điều lệ. Dự kiến quý 2/2025, cổ phiếu phát hành thêm đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty lưu ký chứng khoán Việt Nam và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM (HoSE) (Đính kèm Báo cáo tình hình triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ – ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024)

Nhìn chung, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2/ Khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: tham gia tập huấn theo công ty Mẹ (Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn).

PHẦN 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG 2025.

I/ BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2024

1. Đặc điểm tình hình thị trường

Kinh tế có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, nhu cầu tiêu dùng còn yếu, hàng hóa XNK trong nước phục hồi nhưng các đơn hàng mang tính chất ngắn hạn, nhu cầu lưu kho ngoài nhà máy chưa cao. Nguồn cung kho cao hơn nhu cầu ở khắp các tỉnh Đông Nam Bộ, đặc biệt là ở Bình Dương, Đồng Nai, Long An. Trung bình các nhà cung cấp kho lớn có diện tích trống kho khoảng 20-30% tổng diện tích, diện tích kho mới được đầu tư đưa vào khai thác tiếp tục tăng, khiến cạnh tranh vô cùng phức tạp.

Đặc điểm hàng hoá tại kho ICDLB chủ yếu là nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất, về thành phẩm tập trung ở các ngành nghề như đồ nội thất, điện máy; và ngành nghề nông sản (café, điều, bông); các loại mặt hàng này năm nay đều chưa phục hồi đáng kể về kinh doanh. Tình hình khai thác các dịch vụ kho bãi của ICDLB trong năm gặp nhiều khó khăn, tỉ lệ khai thác kho bình quân chỉ đạt 80% kéo theo các dịch vụ logistics đi kèm cũng giảm.

Năm 2024, có rất nhiều khó khăn với các yếu tố tác động như đã phân tích ở trên, tuy nhiên công ty đã triển khai nhiều biện pháp bao gồm công tác kết nối hệ thống, tập trung nâng cao hiệu quả, quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị chi phí, thực hiện các chính sách kinh doanh linh hoạt để thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.

2. Kết quả năm 2024

a. Các chỉ tiêu kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	TH 2023	KH 2024	TH 2024		
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	% so với cùng kỳ	% so với KH
Tổng doanh thu	519.575,90	551.099,05	490.675,39	94,44%	89,04%
Tổng chi phí	399.786,39	425.176,73	364.148,77	91,09%	85,65%
Tổng LN trước thuế	119.789,51	125.922,32	126.526,62	105,62%	100,48%
Tổng LN sau thuế	96.634,80	101.516,81	103.754,13	107,37%	102,20%
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	19,58%	13,10%	19,59%	100,04%	149,47%

b. Các chỉ tiêu về tiền lương, thu nhập

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2024	TH 2024
Người quản lý			
Quỹ lương	Triệu đồng	3.060,00	3.470,60
Tiền lương BQ	Ngàn đồng/người	51.000,00	51.800,00
Thu nhập BQ	Ngàn đồng/người	62.411,67	61.337,24
Người lao động			
Quỹ lương	Triệu đồng	65.129,88	64.663,92
Tiền lương BQ	Ngàn đồng/người	17.285,00	17.610,00
Thu nhập BQ	Ngàn đồng/người	21.781,19	21.816,26

c. Về công tác đầu tư, mua sắm

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH 2024 ĐƯỢC DUYỆT		THỰC HIỆN 2024	
			Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí
I	PHÂN THEO TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ					
1	Đầu tư xây dựng cơ bản (Theo tên công trình)			126.749		45.575
1.1	Thi công xây dựng kho số 24 và 25	m2	44.000	22.163		21.083
1.2	Thi công xây dựng kho 26,27	m2	46.000	91.631	46.000	23.773
1.3	Đầu nối, thu gom nước thải với Trạm xử lý nước thải (giai đoạn 1)	Hệ thống	1	450		
1.4	Khu phân loại rác thải	Hệ thống	1	850		
1.5	Hàng rào ngăn cách cảng cạn và phân luồng giao thông cảng cạn	Hệ thống	1	655	1	719
1.6	Lắp đặt thiết bị chữa cháy tự động cho các kho (4 kho)	Hệ thống		11.000		
2	Đầu tư thiết bị, công nghệ (Theo tên t/bị, c/ngệ)			4.612		270
2.1	Lắp đặt camera giám sát an ninh vòng ngoài (Tuyến đường Phan Đăng Lưu, Khu dịch vụ Long Bình, đường nội bộ)	Hệ thống		4.000	1	270

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH 2024 ĐƯỢC DUYỆT		THỰC HIỆN 2024	
			Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí
2.2	Trang bị hệ thống cáp quang, camera kho 26, 27	Hệ thống		612		
II	PHÂN THEO NGUỒN VỐN					
1	Đầu tư từ nguồn vốn tự có	triệu đồng		131.361		45.846
2	Đầu tư từ nguồn vốn vay	triệu đồng		60.695		9.400
3	Đầu tư từ nguồn vốn khác	triệu đồng		70.667		12.672

II/ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH 2025

1. Tình hình thị trường

Tình hình kinh tế năm 2025 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; ngành logistics sẽ phải đối mặt với những thách thức liên quan đến nguy cơ hậu quả của cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn, chính sách thuế. Tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống có thể bị thu hẹp do sức tiêu thụ hàng hóa giảm.

Dự báo những tháng đầu năm 2025 tỷ lệ khai thác kho của đơn vị vẫn còn thấp do các dự án sử dụng diện tích kho ngắn hạn kết thúc hợp đồng, nhu cầu sử dụng dịch vụ kho bãi những tháng đầu năm còn thấp, tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty.

2. Phương hướng và giải pháp thực hiện sản xuất kinh doanh 2025

2.1. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025

a. Chỉ tiêu kinh doanh

DVT: triệu đồng

T	Chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	SS (%)
1	Tổng doanh thu	490.675,39	546.774,99	111,43%
2	Tổng chi phí	364.148,77	412.661,37	113,32%
3	Tổng LN trước thuế	126.526,62	134.113,62	106,00%
4	Tổng LN sau thuế	103.754,13	108.253,36	104,34%

T T	Chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	SS (%)
5	Tỷ suất LN/ Vốn CSH	19,59%	13,34%	68,12%

b. Chỉ tiêu về tiền lương, thu nhập

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2024	KH 2025
Người quản lý			
Quỹ lương	Tr. đồng	3.470,60	4.176,00
Tiền lương BQ	Ngàn đồng/người	51.800,00	58.000,00
Thu nhập BQ	Ngàn đồng/người	61.337,24	66.327,78
Người lao động			
Quỹ lương	Triệu đồng	64.663,92	67.776,00
Tiền lương BQ	Ngàn đồng/người	17.610,00	17.650,00
Thu nhập BQ	Ngàn đồng/người	21.816,26	22.105,73

b. Chỉ tiêu về đầu tư

Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	ĐVT KL	KẾ HOẠCH NĂM 2025	
			KL	KP
I	PHÂN THEO TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ			
1	Đầu tư xây dựng cơ bản (Theo tên công trình)			286.764
1.1	Thi công xây dựng kho 26,27	m2	46.000	262.814
1.2	Đầu nối, thu gom nước thải với Trạm xử lý nước thải (giai đoạn 1)	Hệ thống	1	1.100
1.3	Khu phân loại rác thải	Hệ thống	1	850

TT	NỘI DUNG	ĐVT KL	KẾ HOẠCH NĂM 2025	
			KL	KP
1.4	Lắp đặt thiết bị chữa cháy tự động cho các kho (4 kho)	Hệ thống	1	22.000
2	Đầu tư thiết bị, công nghệ (Theo tên t/bị, c/nghệ)			11.392
2.1	Lắp đặt camera giám sát an ninh vòng ngoài (Tuyến đường Phan Đăng Lưu, Khu dịch vụ Long Bình, đường nội bộ)	Hệ thống	1	3.730
2.2	Trang bị hệ thống cấp quang, camera kho 26, 27	Hệ thống	1	612
2.3	Thiết bị số hoá văn thư và hợp đồng phòng kinh doanh	Hệ thống	1	350
2.4	Hệ thống quản lý phương tiện ra vào cổng, hệ thống phần mềm Bãi/Depot/Cảng cạn	Hệ thống	1	300
2.5	Trang thiết bị nâng cấp server và thiết bị PCCC cho phòng sever	Hệ thống	1	850
2.6	Nâng cấp phần mềm quản lý kho, thiết bị mã vạch và wifi cho kho hàng	Gói	1	2.100
2.7	Trang bị ổ cứng lưu trữ hệ thống camera cảng cạn (bảo đảm 180 ngày theo pháp luật hải quan)	Gói	1	450
2.8	Trang thiết bị CNTT phục vụ hội họp, hội nghị, sự kiện (âm thanh hội trường, âm thanh phục vụ công tác chào cờ đầu tháng và tuyên truyền học tập ngoài trời, các phòng họp nhỏ; máy quay phim, máy chụp hình)	Gói	1	500
2.9	Xe nâng người trên cao cao tầm 15 - 20 m	Xe	1	1.000
2.10	Mua xe ô tô 7 chỗ phục vụ công tác	Xe	1	1.500
II	PHÂN THEO NGUỒN VỐN			298.155
1	Đầu tư từ nguồn vốn tự có			126.412
2	Đầu tư từ nguồn vốn vay			108.018

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

TT	NỘI DUNG	ĐVT KL	KẾ HOẠCH NĂM 2025	
			KL	KP
3	Đầu tư từ nguồn vốn khác			63.726

3.2. Giải pháp định hướng thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025

Công ty hoạt động kinh doanh trên hai trụ cột chính là Kho bãi và Cảng cạn; để hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ SXKD đơn vị tiếp tục triển khai các biện pháp nhằm khắc phục các khó khăn hiện tại, phần đầu nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu KHKD đã đặt ra. Một số giải pháp cụ thể nhằm duy trì cạnh tranh, thu hút khách hàng khi nhu cầu dịch vụ quay trở lại; bảo đảm chất lượng dịch vụ và thực hiện chính sách chia sẻ khó khăn nhằm giữ chân khách hàng hiện hữu; phần đầu kiểm soát tốt chi phí, công nợ để gia tăng hiệu quả kinh doanh. Một số biện pháp như sau:

a. Về kinh doanh dịch vụ kho/bãi

- Xây dựng các chính sách kinh doanh phù hợp, chính sách giá, chiết khấu, hoa hồng linh hoạt; nhằm thu hút khách hàng, hãng tàu đặc biệt trong môi trường cạnh tranh cao. Thực hiện CLDV tốt, giữ chân khách hàng hiện hữu và phát triển thêm khách hàng mới. Tiếp tục phối hợp tốt với SNPL, P.MKT, các công ty thành viên tham gia phát triển các dịch vụ từ kết nối hệ thống; Phối hợp chặt chẽ với P.MKT, SNPL trong công tác thị trường, xây dựng và quảng bá dịch vụ kho bãi

- Công ty đang thực hiện đàm phán các khách hàng lớn về nhu cầu sử dụng dịch vụ kho như khách hàng Dragon, Geodis, Dart Log, Vinci... về nhu cầu sử dụng dịch vụ kho trong năm 2025. Mục tiêu duy trì tỷ lệ khai thác bình quân trong năm đạt trên 88% diện tích xây dựng.

- Tiếp tục duy trì và phát triển thêm dịch vụ kho ngoại quan (loại hình XNK tại chỗ)

b. Về kinh doanh dịch vụ cảng và logistics

- Tiếp tục phối hợp cơ quan chức năng tổng công ty (P.MKT, Kinh Doanh, SNPL) xây dựng chính sách nhằm thu hút các hãng tàu sử dụng các dịch vụ cảng cạn, depot.

- Xây dựng các giải pháp về chi phí cạnh tranh và chất lượng dịch vụ nhằm thuyết phục các khách hàng tại các KCN (Biên Hòa 2, Amata, Giang Điền ...) sử dụng dịch vụ giao nhận hàng hóa tại cảng đích "Tân Cảng Long Bình"

- Phối hợp với cụm cảng Cái Mép (TCIT,TCTT) xây dựng các chính sách về vận chuyển, năng lực vận chuyển/ quy trình khai thác cho tuyến CM-LB.

- Tăng cường công tác kết nối hệ thống tham gia cung cấp dịch vụ vận chuyển và TTHQ cho các khách hàng của hệ thống (SNPL) tại khu vực Đồng Nai, Bình Dương.

- Thực hiện duy trì công tác CSKH, CLDV cho các khách hàng hiện hữu.

- Tìm kiếm và ký kết nhà cung cấp vận tải có chi phí cạnh tranh tại khu vực (Đồng Nai, Bình Dương) .

c. Công tác bảo đảm khác

Cùng với các biện pháp về thị trường, kinh doanh, ICDLB phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ khác nhằm bảo đảm an toàn, ổn định đơn vị; thực hiện đầy nhanh tiến độ sửa chữa, chỉnh trang, bảo đảm chất lượng CSHT; triển khai các giải pháp cải cách tiền lương, các biện pháp cải cách hành chính; thực hiện các tiêu chí góp phần xây dựng cảng xanh, như: sử dụng điện năng lượng mặt trời, sử dụng thiết bị phương tiện thân thiện môi trường, giảm tiêu thụ điện năng; triển khai chữ kí số, văn phòng điện tử, số hoá văn bản hành chính; Tiếp tục nhân rộng áp dụng quản lý, khai thác kho bãi bằng phần mềm, tiết giảm chi phí và bảo đảm chất lượng dịch vụ

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Báo cáo hoạt động kinh doanh 2024, định hướng 2025. /

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phan Văn Tiến

TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
THỰC HIỆN ĐẦU TƯ 2024
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB VÀ THIẾT BỊ NĂM 2025

(Đính kèm theo Báo cáo hoạt động của HĐQT, Báo cáo kết quả kinh doanh 2024 và định hướng 2025)

TT	NỘI DUNG	ĐVT KL	DỰ ÁN ĐƯỢC DUYỆT		THỰC HIỆN NĂM 2024		LƯỠI KẾ ĐÃ THỰC HIỆN		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
			KL	KP	KL	KP	KL	KP	KL	KP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	PHẦN THEO TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ			605.861		45.846			269.282		298.155
1	Đầu tư xây dựng cơ bản (Theo tên công trình)			605.861		45.575			269.012		286.764
1.1	Thi công xây dựng kho số 24 và 25	m2	44.000	268.939		21.083		44.000	244.520		
1.2	Thi công xây dựng kho 26,27 (*)	m2	46.000	336.922	46.000	23.773			23.773	46.000	262.814
1.3	Đầu nối, thu gom nước thải với Trạm xử lý nước thải (giai đoạn I)	Hệ thống								1	1.100

TT	NỘI DUNG	ĐVT KL	DỰ ÁN ĐƯỢC DUYỆT		THỰC HIỆN NĂM 2024		LƯỠI KẾ ĐÃ THỰC HIỆN		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
			KL	KP	KL	KP	KL	KP	KL	KP	
1.4	Khu phân loại rác thải	Hệ thống							1	850	
1.5	Hàng rào ngăn cách cảng cạn và phân luồng giao thông cảng cạn	Hệ thống			1	719	1	719			
1.6	Lắp đặt thiết bị chữa cháy tự động cho các kho (4 kho)	Hệ thống							1	22.000	
2	Đầu tư thiết bị, công nghệ (Theo tên t/bị, c/ngệ)									11.392	
2.1	Lắp đặt camera giám sát an ninh vòng ngoài (Tuyến đường Phan Đăng Lưu, Khu dịch vụ Long Bình, đường nội bộ)	Hệ thống			1	270	1	270	1	3.730	
2.2	Trang bị hệ thống cấp quang, camera kho 26, 27	Hệ thống							1	612	
2.3	Thiết bị số hoá văn thư và hợp đồng phòng kinh doanh	Hệ thống							1	350	
2.4	Hệ thống quản lý phương tiện ra vào công, hệ thống phần mềm Bãi/Depot/Cảng cạn	Hệ thống							1	300	

TT	NỘI DUNG	ĐVT KL	DỰ ÁN ĐƯỢC DUYỆT		THỰC HIỆN NĂM 2024		LƯỠI KẾ ĐÃ THỰC HIỆN		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
			KL	KP	KL	KP	KL	KP	KL	KP	
2,5	Trang thiết bị nâng cấp server và thiết bị PCCC cho phòng sever	Hệ thống						1		850	
2,6	Nâng cấp phần mềm quản lý kho, thiết bị mã vạch và wifi cho kho hàng	Gói						1		2.100	
2,7	Trang bị ổ cứng lưu trữ hệ thống camera cảng cạn (bảo đảm 180 ngày theo pháp luật hải quan)	Gói						1		450	
2,8	Trang thiết bị CNTT phục vụ hội họp, hội nghị, sự kiện (âm thanh hội trường, âm thanh phục vụ công tác chào cờ đầu tháng và tuyên truyền học tập ngoài trời, các phòng họp nhỏ; máy quay phim, máy chụp hình)	Gói						1		500	
2,9	Xe nâng người trên cao cao tầm 15 - 20 m	Xe						1		1.000	
2,1	Mua xe ô tô 7 chỗ phục vụ công tác	Xe						1		1.500	
II	PHÂN THEO NGUỒN VỐN			605.861		45.846				298.155	

TT	NỘI DUNG	ĐVT KL	DỰ ÁN ĐƯỢC DUYỆT		THỰC HIỆN NĂM 2024		LƯỠI KẾ ĐÃ THỰC HIỆN		KẾ HOẠCH NĂM 2025		GHI CHÚ
			KL	KP	KL	KP	KL	KP	KL	KP	
1	Đầu tư từ nguồn vốn tự có	triệu đồng		144.857		9.400		115.802		126.412	
2	Đầu tư từ nguồn vốn vay	triệu đồng		306.270		12.672		129.707		108.018	
3	Đầu tư từ nguồn vốn khác	triệu đồng		154.734		23.773		23.773		63.726	

(*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân (BCC) với Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng, tỷ lệ tham gia góp vốn ICDLB 51%, Hoa Tiêu 49%

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư 2025 (bao gồm cả thực hiện đầu tư 2024 chuyển sang 2025):

- Hội đồng quản trị, Giám đốc tổ chức thực hiện, triển khai, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc lựa chọn nhà thầu, phê duyệt thiết kế, dự toán, quyết định thời điểm thực hiện dự án, phương án đầu tư và các thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng, đấu thầu. HĐQT, Giám đốc thực hiện các công việc được giao theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ.
- Giao Chủ tịch HĐQT đại diện Hội đồng quản trị, ban hành các quyết định, phê duyệt/chấp thuận, ký các văn bản liên quan đại diện Hội đồng quản trị để triển khai chi tiết các hạng mục đầu tư nêu trên (bao gồm cả phê duyệt lựa chọn tổ chức tin dụng....) theo đúng trình tự thủ tục pháp luật về đầu tư, xây dựng, đấu thầu và các pháp luật khác có liên quan, thẩm quyền theo Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ về công ty.
- Đối với các trường hợp đầu tư phát sinh vay vốn tại các tổ chức tín dụng, giao Giám đốc thỏa thuận, lựa chọn tổ chức tín dụng để bảo đảm nguồn vốn cho thực hiện các dự án đầu tư nêu trên (bao gồm cả việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các chứng từ khác theo quy định pháp luật và theo yêu cầu của tổ chức tín dụng liên quan đến các khoản vay nêu trên), trình Giám đốc báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị (đại diện Hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện. Chủ tịch Hội đồng quản

trị và Giám đốc có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ để chủ động tự cân đối nguồn vốn (vốn tự có, vốn vay, vốn đối ứng của khách hàng, đối tác liên quan), bảo đảm hiệu quả đầu tư và không ảnh hưởng đến nguồn tài chính và hoạt động kinh doanh Công ty.

- Trong quá trình thực hiện, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc căn cứ vào thẩm quyền theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị về nội bộ công ty được quyền ký tất cả các văn bản, chứng từ, hợp đồng liên quan để triển khai thực hiện các dự án, hạng mục đầu tư nêu trên.

TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH
Số: 36/HTTr - ICDLB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 17 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 riêng và hợp nhất đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 riêng và hợp nhất đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH PwC (Việt Nam), địa chỉ: số 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM (đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2024).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Phan Văn Tiên



Biên Hòa, ngày 13 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Kết quả kinh doanh, tiền lương, đầu tư năm 2024
và Phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình;
- Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 2024, phương án trích lập quỹ và chia cổ tức như sau:

1/ Kết quả kinh doanh 2024 của Công ty mẹ

DVT: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	KH 2024	TH 2024	
			Giá trị	%/2024
1	Tổng doanh thu	551.099,05	490.675,39	89,04%
2	Tổng chi phí	425.176,73	364.148,77	85,65%
3	Lợi nhuận trước thuế	125.922,32	126.526,62	100,48%
4	Lợi nhuận sau thuế	101.516,81	103.754,13	102,20%
5	Quỹ lương Người lao động	65.129,88	64.663,92	99,28%
6	Quỹ lương Người quản lý	3.060,00	3.470,60	113,42%
7	Thù lao HDQT, BKS	378,00	371,00	98,15%
8	Giá trị đầu tư	131.361,38	45.845,63	34,90%
9	Cổ tức	57.303,37	57.303,37	100,00%

(*) Chi tiết thực hiện đầu tư 2024: Theo Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2024, định hướng năm 2025.

Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2024

2/ Phân phối lợi nhuận 2024

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Số liệu	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	126.526.619.804	
2	Lợi nhuận sau thuế phân phối	Đồng	103.754.128.524	
3	Lợi nhuận để phân phối các quỹ	Đồng	103.754.128.524	
4	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	29.850.956.024	
5	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	16.165.980.000	
6	Trích lập quỹ thưởng người quản lý Công ty	Đồng	433.825.000	
7	Lợi nhuận để trả cổ tức	Đồng	57.303.367.500	
8	Tỷ lệ chia trả cổ tức (dự kiến) (*)	%	15,00	
9	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	Đồng	0	

Hình thức chi trả cổ tức 2024: bằng tiền mặt.

(*) Vốn điều lệ dự kiến: 382.022.450.000 đồng

Vốn điều lệ thực tế, căn cứ vào kết quả phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết số theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ – ĐHCĐ ngày 17/04/2024.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Phan Văn Tiến

Biên Hòa, ngày 13 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch kinh doanh, tiền lương, đầu tư năm 2025
và Phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025, định hướng phát triển của Công ty năm 2025, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch kinh doanh 2025 như sau:

1. Kế hoạch kinh doanh 2025:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	
			Giá trị	%/2024
1	Tổng doanh thu	490.675,39	546.774,99	111,43%
2	Tổng chi phí	364.148,77	412.661,37	113,32%
3	Lợi nhuận trước thuế	126.526,62	134.113,62	106,00%
4	Lợi nhuận sau thuế	103.754,13	108.253,36	104,34%
5	Quỹ lương Người lao động	64.663,92	67.776,00	104,81%
6	Quỹ lương Người quản lý	3.470,60	4.176,00	120,33%
7	Thù lao HDQT, BKS	371,00	378,00	101,89%
8	Giá trị đầu tư	45.845,63	298.155,46	650,35%
9	Cổ tức (*)	57.303,37	59.213,48	103,33%

(*) Vốn điều lệ dự kiến chi cổ tức: 382.022.450.000 đồng.

Chi tiết kế hoạch đầu tư: Theo Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo hoạt động kinh doanh 2024, định hướng 2025.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2025:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Số liệu	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	134.113.622.248	
2	Lợi nhuận sau thuế phân phối	Đồng	108.253.362.599	
3	Lợi nhuận để phân phối các quỹ	Đồng	108.253.362.599	
4	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	31.573.882.849	
5	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	16.944.000.000	
6	Trích lập quỹ thưởng người quản lý Công ty	Đồng	522.000.000	
7	Lợi nhuận để trả cổ tức bằng tiền mặt	Đồng	59.213.479.750	
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	%	15,50%	
9	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	Đồng	0	

Hình thức chi trả cổ tức 2025: bằng tiền mặt.

(*) Vốn điều lệ dự kiến: 382.022.450.000 đồng.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phan Văn Tiến

Biên Hòa, ngày 13 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thù lao HĐQT, BKS và Thù ký công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Thù ký công ty năm 2024 và kế hoạch 2025, như sau:

I/ Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1/ Thù lao năm 2024 như sau:

Thù lao theo NQ ĐHCĐ 2024	:	378.000.000 đồng
- Thành viên Hội đồng quản trị	:	7.000.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát	:	4.200.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát	:	3.150.000 đồng/tháng
Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2024	:	371.000.000 đồng

Lý do: có thay đổi 1 thành viên HĐQT trong năm 2024.

2/ Thù lao năm 2025 đề nghị như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị	:	0 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị	:	7.000.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát	:	4.200.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát	:	3.150.000 đồng/tháng
Tổng số tiền thù lao dự kiến	:	378.000.000 đồng

Thời gian tính hưởng thù lao: 01/2025, căn cứ vào thời gian công tác của HĐQT, BKS thực tế trong năm 2025.

* Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT tham gia điều hành hưởng lương và thưởng theo hiệu quả công tác, không hưởng thù lao.

II/ Chi phí hoạt động Thư ký công ty kiêm Người phụ trách quản trị công ty năm 2024 và kế hoạch 2025.

Căn cứ Điều lệ công ty

Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Hội đồng quản trị xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên 2025 xem xét thông qua:

1/ Bổ sung chi phí hoạt động của Thư ký năm 2024, chi trong năm 2025

Số lượng nhân sự: 01 người

Mức chi phí: 2.000.000 đồng/tháng

Tổng: 12.000.000 đồng/năm

Nguồn chi: Chi phí hoạt động kinh doanh công ty năm 2025.

2/ Kế hoạch chi phí hoạt động năm 2025 của Thư ký công ty: mức chi phí: 2.000.000 đồng/tháng; Tổng dự kiến: 12.000.000 đồng/năm

Nguồn chi: Chi phí hoạt động kinh doanh công ty.

Thời gian tính hưởng: theo năm tài chính, chi theo quý cùng với chi thù lao HĐQT, BKS.

Chi phí hoạt động của Thư ký 2025 báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phan Văn Tiến

Biên Hòa, ngày 13 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và BCTC kiểm toán năm 2025.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình;
- Danh sách Đơn vị kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong lĩnh vực chứng khoán năm 2025.

Căn cứ đơn đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2025, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách công ty kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2025 và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH PwC (Việt Nam); địa chỉ: số 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM

Lý do: nằm trong Đơn vị kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong lĩnh vực chứng khoán năm 2025; có uy tín về chất lượng kiểm toán (đã thực hiện kiểm toán Công ty từ năm 2022); thuộc Danh sách công ty kiểm toán BCTC trong hệ thống Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Trường hợp đến thời điểm soát xét/kiểm toán báo cáo tài chính, đơn vị kiểm toán nêu trên không còn nằm trong Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị xem xét lựa chọn đơn vị kiểm toán bảo đảm điều kiện Đơn vị kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong lĩnh vực chứng khoán năm 2025 và thuộc Danh sách công ty đang thực hiện kiểm toán BCTC một (các) công ty thành viên trong hệ thống Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

/s/

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phan Văn Tiến

Biên Hòa, ngày 13 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua các Hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình.

Dựa vào đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty và để đảm bảo hoạt động kinh doanh được diễn ra liên tục, tuân thủ đúng quy định của Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 15 Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị ICDB kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch với các đối tượng có liên quan của ICDB như sau:

1/ Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình và các tổ chức liên quan có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản tại BCTC gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh kể từ ngày phát sinh giao dịch đầu tiên đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản tại BCTC gần nhất (danh sách các tổ chức này có nội dung giao dịch kèm theo).

2/ Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty tại BCTC gần nhất giữa Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3/ Đại hội đồng cổ đông giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty (Giám đốc) ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch nêu trên.

Đồng thời, khi ký kết hợp đồng, Người đại diện theo pháp luật phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với



hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch.

4/ Thời gian thực hiện từ ngày ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

✓

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phan Văn Tiến

TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025 CHẤP THUẬN

(Đính kèm Tờ trình số/TTTr - ICDDLB ngày 27/03/2025 về việc thông qua các Hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Nội dung giao dịch, hợp đồng	Tổng trị giá giao dịch, hợp đồng dự kiến (triệu đồng)	Thời hạn hiệu lực
1.	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn 51,32%	0300514849	722 Điện Biên Phủ, P.22, Quận Bình Thạnh, TPHCM	Cung cấp dịch vụ kho, bãi, dịch vụ CSHT, các dịch vụ khác có liên quan đến hoạt động công ty (dòng thời là bên sử dụng dịch vụ ICDDLB trong dịch vụ kho, cảng và các dịch vụ liên quan) Cổ tức, Thanh toán các khoản tài chính đến hạn, tài chính khác	500.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Nội dung giao dịch, hợp đồng	Tổng trị giá giao dịch, hợp đồng dự kiến (triệu đồng)	Thời hạn hiệu lực
2.	Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0306376671	470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. HCM	Góp vốn Hợp tác kinh doanh Các giao dịch theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ICDLB - Hoa Tiêu	120.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
3.	Công Ty CP Vận Tải Bộ Tân Cảng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0305322467	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, VN	Cung cấp dịch vụ kho, dịch vụ vận chuyển	25.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
4.	Công Ty CP Kho Vận Tân Cảng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0309532497	Cảng Tân Cảng Cát Lái, Phường Cát Lái, TP Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ vận chuyên	200,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
5.	Công Ty CP ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Liên quan cổ đông lớn (1)	3700785006	Số 7/20 Đường DT 743, KP Bình Đáng, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Cung cấp dịch vụ vận chuyên	2.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
6.	Công Ty Cổ Phần Tiếp Vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Liên quan cổ đông lớn (1)	3502263110	Khu phố ông Trịnh - Phường Tân Phước - Thị Xã Phú Mỹ - Bà Rịa - Vũng Tàu.	Cung cấp dịch vụ vận chuyên	3.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Nội dung giao dịch, hợp đồng	Tổng trị giá giao dịch, hợp đồng dự kiến (triệu đồng)	Thời hạn hiệu lực
7.	Công Ty CP Dịch Vụ Kỹ Thuật Tân Cảng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0305736891	722 Điện Biên Phủ - P.22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, nhiên liệu	6.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
8.	Công Ty CP Giải Tân Cảng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0310421671	722 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	Cung cấp dịch vụ phần mềm, bảo trì trang thiết bị CNTT	2.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
9.	Công Ty CP Tân Cảng-Tây Ninh	Liên quan cổ đông lớn (1)	3901222613	Thửa đất số 7,8,9,12, Tờ bản đồ số 66, Khu Kinh Tế Cửa Khẩu - Xã Lợi Thuận - Huyện Bến Cầu - Tây Ninh.	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.500,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
10.	Công Ty TNHH Cảng Quốc Tế Tân Cảng - Cái Mép	Liên quan cổ đông lớn (1)	3501473524	Tầng 7 tòa nhà Saigon Newport, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Cung cấp dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cảng, dịch vụ bãi và các dịch vụ logistics khác	3.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
11.	Công Ty CP Tân Cảng - Cái Mép	Liên quan cổ đông lớn (1)	3500871096	Tòa Nhà TCT TCSG, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Cung cấp dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cảng, dịch vụ bãi và các dịch vụ logistics khác	3.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026

Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2025

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Nội dung giao dịch, hợp đồng	Tổng trị giá giao dịch, hợp đồng dự kiến (triệu đồng)	Thời hạn hiệu lực
12.	Công Ty Cp Tân Cảng 128- Hải Phòng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0200870931	Hà Đoàn - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Hải Phòng.	Cung cấp dịch vụ kho, bãi	500,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
13.	Công Ty TNHH Phát Triển Nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC	Liên quan cổ đông lớn (1)	0311241960	Khu Cảng Cát Lái, Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Quận 2, TP.HCM	Cung cấp dịch vụ huấn luyện, đào tạo	900,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
14.	Công Ty CP Dịch Vụ Container Tân Cảng	Liên quan cổ đông lớn (1)	0316135980	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ sửa chữa, giám định cont	3.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
15.	Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	Liên quan cổ đông lớn (1)	3502294165	Khu Phố Tân Lộc, Phường Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Dịch vụ cảng, dịch vụ bãi và logistics	5.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
16.	Công ty CP Tiếp Vận Thành Long	Liên quan đến Người nội bộ	3602427771	10 Phan Đăng Lưu, KP.7, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	Cung cấp dịch vụ kho, Cổ tức	15.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
17.	Ngân hàng TMCP Quân đội	Liên quan đến cổ đông lớn Quản Lý Nợ Và Khai Thác	0100283873	Số 18 - Đường Lê Văn Lương - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - Tp. Hà Nội	Vay vốn Giao dịch tài chính	50.000,00	Trong năm 2025 cho đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Nội dung giao dịch, hợp đồng	Tổng trị giá giao dịch, hợp đồng dự kiến (triệu đồng)	Thời hạn hiệu lực
		Tài Sản Ngân hàng TMCP Quân (7,65%)					



Biên Hòa, ngày 13 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO

V/v tình hình triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ – ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024 .

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Báo cáo tình hình triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ – ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024 của Công ty , như sau:

I/ Tiến độ triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Thời gian	Nội dung công việc thực hiện
Ngày 17/04/2024	Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua.
Ngày 28/06/2024	Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 10/2024/NQ – HĐQT về việc thông qua triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
	Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 11/2024/NQ – HĐQT về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
	Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 12/2024/NQ – HĐQT về việc thông qua triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.



Thời gian	Nội dung công việc thực hiện
Ngày 01/07/2024	Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”).
Ngày 23/08/2024	UBCKNN đã ban hành công văn phản hồi số 5418/UBCK-QLCB ngày 23/08/2024 về hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của ILB. Theo đó, Hồ sơ đăng ký chào bán có một số nội dung cần bổ sung hồ sơ làm rõ thêm phương án phát hành và sử dụng vốn và cung cấp thêm một số hồ sơ.
Ngày 02/10/2024	Công ty đã nộp bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu cho UBCKNN theo yêu cầu tại công văn số 5418/UBCK-QLCB theo văn bản số 1399/ICDLB-HC ngày 02/10/2024.
Ngày 07/11/2024	Công ty đã nộp bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu cho UBCKNN theo văn bản số 1580/ICDLB-HC ngày 07/11/2024 làm rõ thêm rõ thêm phương án thanh toán chi phí cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; bổ sung thêm Báo cáo tài chính quý 3/2024.
Ngày 23/12/2024	UBCKNN đã ban hành công văn phản hồi số 8782/UBCK-QLCB ngày 23/12/2024 về hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của ILB. Theo đó, Hồ sơ đăng ký chào bán có một số nội dung cần bổ sung hồ sơ làm rõ thêm phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kho hàng số 26, 27 tại khu dịch vụ Tân Cảng – Long Bình; phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và các nội dung khác có liên quan đến tài liệu hồ sơ phát hành.
Ngày 25/12/2024	Công ty đã nộp bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu cho UBCKNN theo yêu cầu tại công văn số 8782/UBCK-QLCB ngày 23/12/2024 theo văn bản số 1834/ICDLB-HC ngày 25/12/2024.
Ngày 13/01/2025	UBCKNN đã ban hành công văn phản hồi số 216/UBCK-QLCB về hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, UBCKNN yêu cầu bổ sung thêm BCTC riêng và hợp nhất quý 4/2024 và nộp 06 bộ hoàn chỉnh.

Thời gian	Nội dung công việc thực hiện
Ngày 19/02/2025	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 139/GCN-UBCK ngày 19/02/2025.
	UBCKNN có văn bản số 856/UBCK-QLCB ngày 19/02/2025 về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của ILB.

II/ Kế hoạch thực hiện các công việc liên quan phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

1/ Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

STT	Mô tả công việc	Thời gian thực hiện (Dự kiến)
1	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu từ đợt chào bán ra công chúng.	07/03/2025
2	Ngày bắt đầu thu tiền.	14/03/2025
3	Ngày kết thúc chuyển nhượng quyền mua.	27/03/2025
4	Ngày kết thúc nộp tiền.	04/04/2025
5	HĐQT xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không thực hiện quyền mua.	16/04/2025
6	Thu tiền nhà đầu tư mua cổ phiếu phân phối lại.	16/04/2025 -22/04/2025
7	Báo cáo kết quả phát hành, thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành và nộp hồ sơ cho UBCKNN.	22/04/2025 -25/04/2025
8	UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả phát hành.	06/05/2025
9	Gỡ phong tỏa tài khoản (được dùng tiền).	07/05/2025
10	Thực hiện các thủ tục với VSDC, HoSE và Sở Tài chính về đăng ký, niêm yết cổ phiếu bổ sung và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	06/05/2025 - 21/05/2025

2/ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

STT	Mô tả công việc	Thời gian thực hiện (Dự kiến)
1	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu từ đợt chào bán ra công chúng.	07/03/2025
2	Ngày kết thúc đợt phát hành	07/03/2025
3	Báo cáo kết quả phát hành, thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành và nộp hồ sơ cho UBCKNN.	12/03/2025
4	UBCKNN thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành.	17/03/2025
5	Thực hiện các thủ tục với VSDC, HoSE và Sở Tài chính về đăng ký, niêm yết cổ phiếu bổ sung và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	17/03/2025 -30/04/2025

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

Handwritten mark

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phan Văn Tiên



MÃU

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **ILB.000...**

Họ và tên Đại biểu:

Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: ... cổ phần



PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: ILB.000...



MẪU

Họ và tên Đại biểu: ...
Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: ... phiếu biểu quyết
Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: ... phiếu biểu quyết
Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: ... phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2024, định hướng năm 2025.			
Nội dung 02: Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024.			
Nội dung 03: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 riêng và hợp nhất đã kiểm toán.			
Nội dung 04: Tờ trình kết quả kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2024.			
Nội dung 05: Tờ trình kế hoạch kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2025.			
Nội dung 06: Tờ trình thù lao HĐQT, BKS và Thư ký công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025.			
Nội dung 07: Tờ trình lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và kiểm toán BCTC năm 2025.			
Nội dung 08: Tờ trình thông qua các Hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan.			
Nội dung 09: Báo cáo tình hình triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ – ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024.			

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô: Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày ... tháng ... năm 2025

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



S TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 17 tháng 04 năm 2025



BIÊN BẢN CUỘC HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình
- Trụ sở chính : Số 10 Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại : 0251 6255 999 Fax: 0251 6501 826
- Mã số doanh nghiệp : 3601033213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23/07/2008 và thay đổi lần thứ 10 ngày 20/01/2025
- Thời gian : 8 giờ 30, ngày 17 tháng 04 năm 2025
- Địa điểm họp : Số 10 Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam



PHẦN I: THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Đại diện Lãnh đạo

2. Hội đồng quản trị của Công ty, gồm các thành viên sau đây:

- ... - Chủ tịch HĐQT
- ... - TV.HĐQT kiêm Giám đốc
- ... - TV.HĐQT
- ... - TV.HĐQT
- ... - TV.HĐQT

3. Ban Kiểm soát của Công ty, gồm các thành viên sau đây:

- ... - Trưởng BKS
- ... - TV.BKS
- ... - TV.BKS

4. Ban Điều hành của Công ty, gồm các thành viên sau đây:

- ... - Phó Giám đốc
- ... - Phó Giám đốc
- ... - Phó Giám đốc
- ... - Kế toán trưởng

5. Đại biểu tham dự:

Cổ đông/Người nhận ủy quyền của cổ đông sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký tham dự theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

PHẦN II: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

- Người báo cáo: Ông/Bà ... – Chức vụ ...
- Nội dung báo cáo:
 - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày **03/03/2025**, sở hữu 24.502.245 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình
 - Cổ đông tham dự Đại hội:cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu chocổ phần có quyền biểu quyết, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, bao gồm:

Ông/Bà	Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội
Ông/Bà	TV HĐQT
Ông/Bà	TV HĐQT

Đại hội tiến hành biểu quyết công khai và nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

3. Chủ tọa giới thiệu Thư ký Đại hội, bao gồm:

Ông/Bà ...	Thư ký
Ông/Bà ...	Thư ký

4. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm Phiếu, bao gồm:

Ban Kiểm Phiếu:

Ông/Bà ...	Trưởng Ban kiểm phiếu
Ông/Bà ...	Thành viên Ban kiểm phiếu
Ông/Bà: ...	Thành viên Ban kiểm phiếu

Đại hội tiến hành biểu quyết công khai và nhất trí thông qua nhân sự Ban Kiểm Phiếu.

5. Ông/Bà ... thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội tiến hành biểu quyết công khai và nhất trí thông qua quy chế làm việc.

6. Ông/Bà ... thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Chương trình Đại hội

Đại hội tiến hành biểu quyết công khai và nhất trí thông qua Chương trình Đại hội.

Kết quả biểu quyết chi tiết cho các nội dung: thông qua Đoàn chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

Từ thời điểm khai mạc đến ... giờ ... phút, số lượng đại biểu tham dự Đại hội: đại biểu, đại diện cho phiếu biểu quyết, chiếm% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:
 - + Tổng số tờ phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

PHẦN III: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

A. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO

Nội dung 01: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2024, định hướng năm 2025

Người trình bày: Ông/Bà ... – Chủ tịch HĐQT

Nội dung 02 Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024

Người trình bày: Ông/Bà ... – Trưởng BKS

B. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY NỘI DUNG CÁC TỜ TRÌNH

Nội dung 03 : Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 riêng và hợp nhất đã kiểm toán

Người trình bày: Ông/Bà-

Nội dung 04: Tờ trình kết quả kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2024

Người trình bày: Ông/Bà-

Nội dung 05: Tờ trình kế hoạch kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2025

Người trình bày: Ông/Bà-

Nội dung 06: Tờ trình thù lao HĐQT, BKS và Thư ký công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Người trình bày: Ông/Bà-

Nội dung 07: Tờ trình lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và kiểm toán BCTC năm 2025

Người trình bày: Ông/Bà-

Nội dung 08: Tờ trình thông qua các Hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan

Người trình bày: Ông/Bà-

Nội dung 09: Báo cáo tình hình triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ – ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024

Người trình bày: Ông/Bà-

PHẦN IV. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG:

1. Cổ đông:

.....

Giải đáp:

.....

.....

2. Cổ đông:

.....
Giải đáp:

PHẦN V. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Từ thời điểm khai mạc đến ... giờ ... phút, cổ đông tham dự Đại hội: cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Thống kê số phiếu phát ra, số phiếu thu về, số phiếu không thu về:

- Tổng số tờ phiếu phát ra: đại diện cho ... phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Trong đó:

Có ... đại biểu (...) có 2 tờ phiếu biểu quyết:

- + *1 tờ phiếu biểu quyết đại diện cho số cổ phiếu sở hữu cá nhân và nhận ủy quyền bị hạn chế biểu quyết nội dung 8;*
- + *1 tờ phiếu biểu quyết đại diện cho số cổ phiếu sở hữu nhận ủy quyền không bị hạn chế biểu quyết nội dung 8.*
- Tổng số tờ phiếu thu về: ... đại diện cho ... phiếu biểu quyết, chiếm ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không thu về: ... đại diện cho ... phiếu biểu quyết, chiếm ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết theo phương thức biểu quyết bỏ phiếu kín các nội dung sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2024, định hướng năm 2025

➤ Kết quả biểu quyết:

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:
 - + Tổng số tờ phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Nội dung 1 đã được thông qua với tỷ lệ% CP tham dự và biểu quyết.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024

➤ Kết quả biểu quyết:

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:
 - + Tổng số tờ phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Nội dung 2 đã được thông qua với tỷ lệ% CP tham dự và biểu quyết.

Nội dung 3: Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2024 riêng và hợp nhất đã kiểm toán

➤ Kết quả biểu quyết:

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:
 - + Tổng số tờ phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Nội dung 3 đã được thông qua với tỷ lệ% CP tham dự và biểu quyết.

Nội dung 4: Thông qua Tờ trình kết quả kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2024

➤ Kết quả biểu quyết:

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- + Tổng số tờ phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- + Tổng số tờ phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- + Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Nội dung 4 đã được thông qua với tỷ lệ% CP tham dự và biểu quyết.

Nội dung 5: Thông qua Tờ trình kế hoạch kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2025

➤ Kết quả biểu quyết:

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:
 - + Tổng số tờ phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Nội dung 5 đã được thông qua với tỷ lệ% CP tham dự và biểu quyết.

Nội dung 6: Thông qua Tờ trình thù lao HĐQT, BKS và Thư ký công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025

➤ Kết quả biểu quyết:

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:
 - + Tổng số tờ phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Nội dung 6 đã được thông qua với tỷ lệ% CP tham dự và biểu quyết.

Nội dung 7: Tờ trình lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và kiểm toán BCTC năm 2025

➤ Kết quả biểu quyết:

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:
 - + Tổng số tờ phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Nội dung 7 đã được thông qua với tỷ lệ% CP tham dự và biểu quyết.

Nội dung 8: Thông qua Tờ trình thông qua các Hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan

- Tổng số tờ phiếu được biểu quyết: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:
 - + Tổng số tờ phiếu được biểu quyết thu về: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không thu về: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không được biểu quyết: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

➤ Kết quả biểu quyết (sau khi tách phiếu biểu quyết của đại biểu có lợi ích liên quan – Danh sách đính kèm)

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:
 - + Tổng số tờ phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính

trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Nội dung 8 đã được thông qua với tỷ lệ% CP tham dự và biểu quyết.

Nội dung 09: Thông qua Báo cáo tình hình triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHDCD thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ – ĐHDCD ngày 17/04/2024

➤ Kết quả biểu quyết:

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:
 - + Tổng số tờ phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Nội dung 09 đã được thông qua với tỷ lệ% CP tham dự và biểu quyết.

PHẦN VI: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Từ thời điểm khai mạc đến ... giờ ... phút, số lượng đại biểu tham dự Đại hội: đại biểu, đại diện cho phiếu biểu quyết, chiếm% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Người trình bày: Ông/Bà, đọc biên bản cuộc họp

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025, kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:
 - + Tổng số tờ phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
 - + Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... phiếu biểu quyết, chiếm: ...% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Biên bản nay được lập thành ... bản và được lưu tại Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình

Đại hội kết thúc giờ cùng ngày.

THỦ KÝ ĐẠI HỘI

TM. ĐOÀN CHỦ TỌA

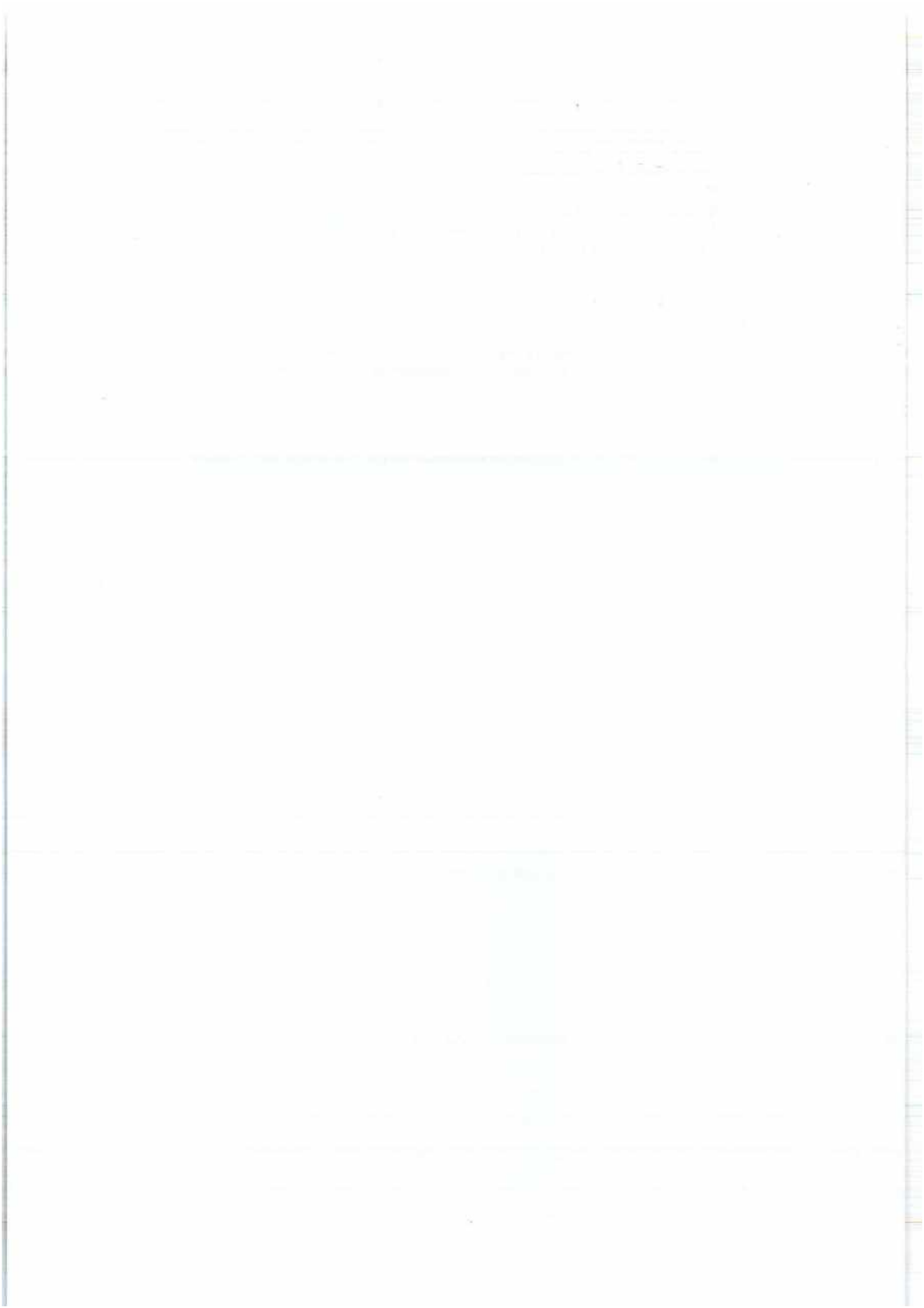
Chủ tọa



DANH SÁCH ĐẠI BIỂU HẠN CHẾ BIỂU QUYẾT

(Kèm theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số ... ngày 17/04/2025).

Stt	Họ và tên đại biểu	Số lượng cổ phiếu đại diện (sở hữu và nhận ủy quyền)	Số lượng cổ phiếu hạn chế biểu quyết	Số lượng cổ phiếu được quyền biểu quyết	Ghi chú
Nội dung 8: Thông qua Tờ trình các Hợp đồng giao dịch với các bên có liên quan					
1.					
2.					
3.					



Biên Hòa, ngày 17 tháng 04 năm 2025



NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số/BB - ICDLB, ngày .../.../2025.



QUYẾT NGHỊ

Ngày 17/04/2025, tại Số 10 Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình được tổ chức với sự tham gia của cổ đông sở hữu cổ phần chiếm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2024, định hướng năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 3: Thông qua Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 riêng và hợp nhất đã kiểm toán

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 4: Thông qua Tờ trình kết quả kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 5: Thông qua Tờ trình kế hoạch kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 6: Thông qua Tờ trình thù lao HĐQT, BKS và Thư ký công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 7: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và kiểm toán BCTC năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 8: Thông qua Tờ trình thông qua các Hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 09: Thông qua Báo cáo tình hình triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ – ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình thông qua toàn văn tại cuộc họp.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS ;
- Cổ đông;
- UBCKNN, HoSE (CBTT);
- FPTS (p/h);
- Lưu: VT, HC.T03.

PHAN VĂN TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3601033213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 28 tháng 4 năm 2023	
Hội đồng Quản trị	Ông Phan Văn Tiến Ông Trần Triệu Phú Ông Phan Anh Tuấn Ông Cao Ngọc Đức Ông Nguyễn Đức Anh Ông Hà Anh Dũng Ông Phạm Văn Phòng	Chủ tịch (từ ngày 17 tháng 4 năm 2024) Chủ tịch (đến ngày 17 tháng 4 năm 2024) Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 17 tháng 4 năm 2024) Thành viên (đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Ban Kiểm soát	Ông Thái Hoàng Lam Ông Trần Nghĩa Sĩ Ông Trần Quốc Việt	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Phan Anh Tuấn Ông Nguyễn Thành Nhân Bà Đoàn Thị Hằng Ông Nguyễn Chí Tùng	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc (từ ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phan Anh Tuấn	Giám đốc
Trụ sở chính	Số 10, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính riêng

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 47. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Anh Tuấn
Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 5 tháng 3 năm 2025



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 5 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Anh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Thái Văn Cường
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3435-2025-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16189
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2025


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		353.237.795.075	317.586.177.778
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	238.286.942.578	192.115.902.514
111	Tiền		166.286.942.578	120.115.902.514
112	Các khoản tương đương tiền		72.000.000.000	72.000.000.000
120	Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		7.400.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	7.400.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		106.748.174.038	121.865.468.283
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	80.709.914.395	123.122.660.249
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	22.122.208.120	410.337.274
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	5.441.477.123	7.280.498.966
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(1.525.425.600)	(8.928.028.206)
150	Tài sản ngắn hạn khác		802.678.459	3.604.806.981
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		802.678.459	740.537.425
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12(a)	-	2.700.705.197
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(a)	-	163.564.359
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.206.333.631.457	1.237.146.093.390
210	Khoản phải thu dài hạn		2.667.900.000	2.667.900.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	2.667.900.000	2.667.900.000
220	Tài sản cố định		710.615.649.861	779.323.959.925
221	Tài sản cố định hữu hình	10	710.615.649.861	779.292.196.040
222	Nguyên giá		1.332.036.245.676	1.331.053.033.070
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(621.420.595.815)	(551.760.837.030)
227	Tài sản cố định vô hình		-	31.763.885
228	Nguyên giá		2.690.971.400	2.690.971.400
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.690.971.400)	(2.659.207.515)
240	Tài sản dở dang dài hạn		3.236.194.235	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.236.194.235	-
250	Đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	27.638.210.000	27.638.210.000
251	Đầu tư vào công ty con		20.400.000.000	20.400.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.238.210.000	7.238.210.000
260	Tài sản dài hạn khác		462.175.677.361	427.516.023.465
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	461.952.894.321	427.286.573.802
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		222.783.040	229.449.863
270	TỔNG TÀI SẢN		1.559.571.426.532	1.554.732.271.168

Các thuyết minh từ 9 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.029.852.535.963	1.061.142.562.908
310	Nợ ngắn hạn		462.177.179.157	426.240.696.504
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	224.802.454.250	228.473.713.970
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	10.392.655.174	8.611.133.852
314	Phải trả người lao động	13	16.935.675.826	21.416.512.078
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	30.647.599.579	10.331.028.730
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15(a)	4.532.613.324	4.532.613.324
319	Phải trả ngắn hạn khác	16(a)	107.128.613.792	83.363.614.988
320	Vay ngắn hạn	18(a)	53.855.629.606	59.969.673.765
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	4.300.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	13.883.937.606	5.242.405.797
330	Nợ dài hạn		567.675.356.806	634.901.866.404
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15(b)	149.314.218.861	153.846.920.949
337	Phải trả dài hạn khác	16(b)	243.542.758.010	262.914.492.822
338	Vay dài hạn	18(b)	174.313.251.667	217.635.324.365
342	Dự phòng phải trả dài hạn		505.128.268	505.128.268
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		529.718.890.569	493.589.708.260
410	Vốn chủ sở hữu		529.718.890.569	493.589.708.260
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	245.022.450.000	245.022.450.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		245.022.450.000	245.022.450.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	181.171.812.045	152.191.661.201
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	103.524.628.524	96.375.597.059
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		103.524.628.524	96.375.597.059
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.559.571.426.532	1.554.732.271.168


Phạm Thị Phương
Người lập



Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng





Phan Anh Tuấn
Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	464.777.955.676	507.063.385.108
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	464.777.955.676	507.063.385.108
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(295.006.853.952)	(315.212.700.224)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	169.771.101.724	191.850.684.884
21	Doanh thu hoạt động tài chính	24.679.183.164	12.507.949.492
22	Chi phí tài chính	(23.549.321.902)	(27.453.895.667)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(20.128.061.437)	(27.183.587.957)
25	Chi phí bán hàng	(3.304.814.659)	(3.362.851.033)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(41.769.754.301)	(53.395.688.767)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	125.826.394.026	120.146.198.909
31	Thu nhập khác	1.218.249.688	4.562.592
32	Chi phí khác	(518.023.910)	(361.250.062)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	700.225.778	(356.687.470)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	126.526.619.804	119.789.511.439
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(22.765.824.457)	(23.148.047.557)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(6.666.823)	(6.666.823)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	103.754.128.524	96.634.797.059


Phạm Thị Phương
Người lập


Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng


Phan Anh Tuấn
Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	126.526.619.804	119.789.511.439
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	69.891.522.670	70.762.082.940
03	(Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng	(11.702.602.606)	6.507.961.495
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(3.843.341.167)	(1.606.330.037)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(15.489.486.029)	(9.275.074.327)
06	Chi phí lãi vay	20.128.061.437	27.183.587.957
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	185.310.774.109	213.361.739.467
09	Giảm các khoản phải thu	47.172.832.222	7.720.346.391
11	Tăng các khoản phải trả	39.615.508.425	47.710.309.321
12	Tăng chi phí trả trước	(34.728.461.753)	(35.157.134.688)
14	Tiền lãi vay đã trả	(20.195.509.150)	(27.183.918.179)
15	Thuế TNDN đã nộp	(26.192.796.583)	(24.913.188.744)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	20.000.000	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(7.377.184.191)	(10.252.864.600)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	183.625.163.079	171.285.288.968
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(49.215.353.027)	(6.591.743.488)
23	Tiền chi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(37.400.000.000)	(47.100.000.000)
24	Tiền thu đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	48.540.260.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	15.330.277.863	9.275.074.327
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(41.285.075.164)	4.123.590.839
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	12.672.047.765	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(62.108.184.622)	(62.236.444.840)
36	Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông	(50.658.685.358)	(47.540.917.811)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(100.094.802.215)	(109.777.362.651)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	42.245.285.700	65.631.517.156
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	192.115.902.514	124.706.302.068
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	3.925.754.364	1.778.083.290
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	238.286.942.578	192.115.902.514

Các thông tin liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 32.

Phạm Thị Phương
Người lập

Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng

Phan Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ 9 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601033213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 28 tháng 4 năm 2023.

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Chi tiết tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 20.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là ILB từ ngày 15 tháng 5 năm 2019.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê dịch vụ trong kho, bãi, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm (bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển,...).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1 công ty con như được trình bày trong Thuyết minh 4 - Đầu tư tài chính. Chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31.12.2024 và ngày 31.12.2023	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Thuê kho bãi, lưu trữ hàng hóa; vận tải, bốc xếp, đóng gói hàng hóa	Tỉnh Đồng Nai	51%	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 323 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 321 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, công ty con là công ty mà Nhóm Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết.

Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”)*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính riêng trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Phần mềm	3 năm
TSCĐ khác	3 - 5 năm

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước cho phần thuê cơ sở hạ tầng, sửa chữa tài sản cố định và các chi phí khác có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC hoặc được kiểm soát bởi một trong số các bên. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản/ hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát/ chia lợi nhuận sau thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận sau thuế.

BCC chia LNST là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ tỷ lệ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia BCC trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trước khi tài sản hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc năm tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều năm tài chính chủ yếu bao gồm cho thuê dịch vụ trong kho. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.19 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư khác.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ được sử dụng để khen thưởng và chi trả phúc lợi cho nhân viên.

2.20 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí đi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và các công ty con khác của Tổng công ty TNHH MTV Tân Cảng Sài Gòn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

2.28 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2024	2023
	VND	VND
Tiền mặt	105.107.228	845.221.215
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	166.181.835.350	119.270.681.299
Các khoản tương đương tiền (*)	72.000.000.000	72.000.000.000
	<u>238.286.942.578</u>	<u>192.115.902.514</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3%/năm đến 3,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là từ 3%/năm đến 4,75%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 4.731.332,01 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3.455.945,28 Đô la Mỹ và 35.271,19 Euro).

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
i. Đầu tư vào công ty con Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long (i)	20.400.000.000	(*)	-	20.400.000.000
ii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	5.238.210.000	27.742.000.900	-	5.238.210.000
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (iii)	2.000.000.000	(*)	-	2.000.000.000
	<u>27.638.210.000</u>		<u>-</u>	<u>27.638.210.000</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602427771 ngày 24 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ ba ngày 3 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long có vốn điều lệ là 40.000.000.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long 20.400.000.000 VND, sở hữu 2.040.000 cổ phần tương ứng 51% vốn điều lệ.

(ii) Đây là khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Quân Đội thông qua đại diện là Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty sở hữu 1.105.259 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị ghi sổ là 5.238.210.000 Đồng. Giá cổ phiếu thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này.

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 Đồng, sở hữu 200.000 cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ và quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	14.758.840.568	17.161.018.150
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Hải Nam	8.056.860.205	18.883.963.992
Khác	56.841.268.570	82.528.983.657
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	1.052.945.052	4.548.694.450
	<u>80.709.914.395</u>	<u>123.122.660.249</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn với số tiền lần lượt là 1.525.425.600 Đồng và 37.570.407.742 Đồng, Công ty đã trích lập dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi với số tiền lần lượt là 1.525.425.600 Đồng và 8.928.028.206 Đồng. Ngoài ra, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khác quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi (Thuyết minh 8).

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đất Cảng E&C	22.072.721.342	-
Khác	49.486.778	410.337.274
	<u>22.122.208.120</u>	<u>410.337.274</u>

7 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Tạm ứng cho nhân viên	1.526.070.767	2.830.959.365
Chi hộ	1.786.488.671	2.565.227.041
Ký quỹ, ký cược	1.383.700.000	1.328.700.000
Lãi tiền gửi dự thu	159.208.166	-
Khác	570.632.946	526.959.652
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	15.376.573	8.652.908
	<u>5.441.477.123</u>	<u>7.260.498.966</u>

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Ký quỹ, ký cược		
Bên thứ ba	1.402.500.000	202.500.000
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	1.265.400.000	2.465.400.000
	<u>2.667.900.000</u>	<u>2.667.900.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2024			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH JLL Express Việt Nam	917.432.110	-	(917.432.110)	Trên 3 năm
Công ty TNHH Con đường Vận chuyển	607.993.490	-	(607.993.490)	Trên 3 năm
	<u>1.525.425.600</u>	<u>-</u>	<u>(1.525.425.600)</u>	

	2023			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty Cổ phần Tiến Nga	18.883.963.992	12.878.125.427	(6.005.838.565)	Từ 6 tháng - 3 năm
Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu	17.161.018.150	15.764.254.109	(1.396.764.041)	Từ 6 tháng - 1 năm
Công ty TNHH JLL Express Việt Nam	917.432.110	-	(917.432.110)	Trên 3 năm
Công ty TNHH Con đường Vận chuyển	607.993.490	-	(607.993.490)	Trên 3 năm
	<u>37.570.407.742</u>	<u>28.642.379.536</u>	<u>(8.928.028.206)</u>	

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng (*)	393.748.839.659	366.162.320.787
Chi phí sửa chữa TSCĐ	67.955.403.256	60.577.691.641
Khác	248.651.406	546.561.174
	<u>461.952.894.321</u>	<u>427.286.573.602</u>

(*) Đây là tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, trả trước cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn theo các hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng như sau:

Hợp đồng	Ngày hợp đồng	Mục đích thuê	Thời hạn	Thời gian còn phân bổ
02/HĐ-ICDLB	24/9/2009	Đầu tư, khai thác các hoạt động sản xuất kinh doanh	49 năm	33 năm
359/HĐ-KHKD	1/10/2017	Đầu tư, khai thác dịch vụ kho bãi	46 năm	38 năm
243/HĐ-TC-KHKD	10/8/2010	Đầu tư, khai thác các hoạt động sản xuất kinh doanh	49 năm	34 năm
348/HĐ-KHKD	2/1/2020	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	40 năm	35 năm
287/TCT-KHKD	1/9/2018	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	45 năm	38 năm
181/TCT-KHKD	1/1/2015	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	44 năm	34 năm
256/TCT-KHKD	1/6/2015	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	43 năm	33 năm

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	427.286.573.602	391.942.589.887
Tăng	57.252.108.468	56.659.328.631
Phân bổ	(22.585.787.749)	(21.315.344.916)
Số dư cuối năm	<u>461.952.894.321</u>	<u>427.286.573.602</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TẤN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

10 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH (“TSCĐ”)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.225.074.313.510	10.846.910.163	85.478.985.919	4.481.625.659	5.171.197.819	1.331.053.033.070
Mua trong năm	1.371.998.050	-	-	827.424.996	466.118.180	2.665.541.226
Giảm do quyết toán	(1.682.328.620)	-	-	-	-	(1.682.328.620)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.224.763.982.940	10.846.910.163	85.478.985.919	5.309.050.655	5.637.315.999	1.332.036.245.676
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	456.603.157.119	8.038.482.186	78.289.710.417	3.952.354.351	4.877.132.957	551.760.837.030
Khấu hao trong năm	62.481.411.653	2.230.603.327	4.248.353.038	359.213.565	340.177.202	69.659.758.785
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	519.084.568.772	10.269.085.513	82.538.063.455	4.311.567.916	5.217.310.159	621.420.595.815
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	768.471.156.391	2.808.427.977	7.189.275.502	529.271.308	294.064.862	779.292.196.040
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	705.679.414.168	577.824.650	2.940.922.464	997.482.739	420.005.840	710.615.649.861

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 67.071.298.519 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 670 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024		2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	31.528.253.004	31.528.253.004	46.444.533.594	46.444.533.594
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	193.274.201.246	193.274.201.246	182.029.180.376	182.029.180.376
	<u>224.802.454.250</u>	<u>224.802.454.250</u>	<u>228.473.713.970</u>	<u>228.473.713.970</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có nhà cung cấp bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/thu Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phải thu/ nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số đã thực thu/ nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
(a) Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	2.700.705.197	17.991.024.860	(20.691.730.057)	-	-
Thuế GTGT	163.564.359	-	(163.564.359)	-	-
	<u>2.864.269.556</u>	<u>17.991.024.860</u>	<u>(20.855.294.416)</u>		
(b) Phải nộp					
Thuế TNDN (*)	8.611.133.852	26.666.892.517	-	(26.192.796.583)	9.085.229.786
Thuế GTGT	-	42.374.886.709	(20.691.730.057)	(20.696.075.053)	987.081.599
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.568.041.549	(163.564.359)	(2.084.133.401)	320.343.789
Khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	<u>8.611.133.852</u>	<u>71.612.820.775</u>	<u>(20.855.294.416)</u>	<u>(48.976.005.037)</u>	<u>10.392.655.174</u>

(*) Thuế TNDN phải nộp trong năm bao gồm thuế TNDN Công ty tạm tính phải nộp cho hoạt động kinh doanh và số thuế TNDN liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình, chi tiết như sau:

Thuế TNDN – Công ty tạm tính phải nộp	22.765.824.457
Thuế TNDN – Hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.901.068.060
	<u>26.666.892.517</u>

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện tiền lương và các khoản thưởng phải trả cho cán bộ công nhân viên.

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuê	26.043.441.333	1.180.985.687
Chi phí vận chuyển, bốc xếp, nâng hạ	1.347.788.050	2.605.488.037
Lãi vay	295.767.422	363.215.135
Khác	2.960.602.774	6.181.339.871
	<u>30.647.599.579</u>	<u>10.331.028.730</u>

15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**(a) Ngắn hạn**

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	1.999.581.396	1.999.581.396
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	1.145.371.901	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	451.592.431	451.592.431
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	936.067.596	2.081.439.497
	<u>4.532.613.324</u>	<u>4.532.613.324</u>

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	66.123.956.648	68.123.626.796
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	37.621.570.222	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	14.627.890.691	15.079.483.127
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	30.940.801.300	70.643.811.026
	<u>149.314.218.861</u>	<u>153.846.920.949</u>

16 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Nhận ký quỹ, ký cược (**)	33.093.683.103	22.685.423.733
Phải trả liên quan đến BCC - Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (iii)	15.369.072.239	14.517.937.762
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 17)	6.271.653.481	5.304.108.624
Khác	6.721.468.578	3.590.451.538
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b)) (*)	45.670.736.391	37.265.693.331
	<u>107.126.613.792</u>	<u>83.363.614.988</u>

(*) Đây là khoản phải trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ("Công ty mẹ cao nhất") liên quan đến tiền sử dụng đất của hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng. Theo đó, tiền sử dụng đất trong năm 2024 của Công ty được ước tính tăng 15% so với đơn giá sử dụng đất năm 2018 theo hướng dẫn của Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Tuy nhiên, trong năm tài chính, Công ty chỉ trả khoản chi phí này theo Thông tri của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Nhận ký quỹ, ký cược (**)	22.818.237.775	31.594.829.120
Nhận đặt cọc/vốn góp thực hiện BCC Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu (i)	88.258.105.712	113.825.746.125
Công ty Cổ phần Tiến Nga (ii)	19.075.000.000	21.400.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (iii)	89.623.016.855	91.163.717.577
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b)) (iv)	23.768.397.668	4.930.200.000
	<u>243.542.758.010</u>	<u>262.914.492.822</u>

16 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(**) Đây là các khoản nhận ký quỹ, ký cược liên quan đến việc Công ty cho khách hàng thuê dịch vụ trong kho.

- (i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/HĐ-ICDLB-TAVICO ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống kho, sân bãi, nhà xưởng, trung tâm phân phối trên diện tích 38,012 ha Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình. Bên A góp bằng quyền khai thác cơ sở hạ tầng và Bên B góp bằng giá trị xây dựng. Bên B chịu trách nhiệm đại diện quản lý hợp doanh và trả lợi nhuận cố định cho Bên A, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động thực tế của hợp doanh. Thời gian hợp tác từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2062. Bên B có nghĩa vụ đặt cọc cho Bên A 113.825.746.125 Đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Từ năm 2031, tiền đặt cọc này sẽ được căn trừ dần vào lợi nhuận hàng năm phải trả cho Bên A.
- (ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ-ICD-TN ký ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Tiên Nga (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống kho, bãi, trung tâm phân phối hàng hóa trên diện tích 20,37 ha Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình. Bên A góp bằng quyền khai thác cơ sở hạ tầng và Bên B góp bằng hệ thống nhà kho, công trình phụ trợ. Bên B chịu trách nhiệm đại diện quản lý hợp doanh và trả lợi nhuận cố định cho Bên A, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động thực tế của hợp doanh. Thời gian hợp tác là 42 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Bên B có nghĩa vụ đặt cọc cho Bên A 23.200.000.000 Đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Tiền đặt cọc này sẽ được căn trừ dần vào lợi nhuận hàng năm phải trả cho Bên A.
- (iii) Công ty và Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn, trong đó, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình góp tỷ lệ 49% và được chia lợi nhuận sau thuế tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn, chi tiết như sau:

Hợp đồng	Mục đích hợp tác	Thời hạn	Số tiền góp (VND)
HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB ngày 21 tháng 9 năm 2013	Đầu tư xây dựng kho 1A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	45 năm kể từ ngày ký hợp đồng	23.143.016.855
Phụ lục 01 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL1 ngày 08 tháng 5 năm 2014	Xây dựng thêm kho 14A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	Theo thời gian của hợp đồng số 485/HĐ-ICDLB-SZB	27.139.000.000
Phụ lục 02 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL2 ngày 15 tháng 6 năm 2015	Xây dựng thêm kho 20 tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	Theo thời gian của hợp đồng số 485/HĐ-ICDLB-SZB và Phụ lục 01	39.341.000.000
			89.623.016.855

16 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**(b) Dài hạn (tiếp theo)**

- (iv) Đây là một phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/2023/ILB-HTTC ký ngày 23 tháng 10 năm 2023 giữa Công ty (Bên A) và Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng 2 kho hàng số 26, 27 tại Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình và kinh doanh dịch vụ kho, dịch vụ logistic cùng các dịch vụ giá trị gia tăng liên quan khác. Bên B góp tỷ lệ 49% (trong đó vốn góp bằng tiền mặt là 87.499.000.000 Đồng) và được chia lợi nhuận trước thuế tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn. Thời gian hợp tác từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 đến ngày 23 tháng 10 năm 2043.

17 CỐ TỨC PHẢI TRẢ

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	5.304.108.624	4.085.558.885
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 21)	51.626.230.215	48.759.467.550
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(50.658.685.358)	(47.540.917.811)
Số dư cuối năm	<u>6.271.653.481</u>	<u>5.304.108.624</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

18 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Phân loại lại VND	Thanh toán VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Vay dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (i)	21.127.762.960	22.222.411.522	(21.596.898.058)	21.753.276.424
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (ii)	20.833.843.528	16.505.532.230	(20.833.843.528)	16.505.532.230
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (iii)	13.000.000.000	8.000.000.000	(13.000.000.000)	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iv)	5.008.067.277	8.346.778.795	(6.677.423.036)	6.677.423.036
Ngân hàng TMCP Một thành viên Shinhan Việt Nam (v)	-	919.397.916	-	919.397.916
	<u>59.969.673.765</u>	<u>55.994.120.463</u>	<u>(62.108.164.622)</u>	<u>53.855.629.606</u>

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Tăng VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (i)	95.701.008.329	5.316.864.427	(22.222.411.522)	78.795.461.234
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (ii)	52.932.379.209	-	(16.505.532.230)	36.426.846.979
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (iii)	18.921.264.068	-	(8.000.000.000)	10.921.264.068
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iv)	50.080.672.759	-	(8.346.778.795)	41.733.893.964
Ngân hàng TMCP Một thành viên Shinhan Việt Nam (v)	-	7.355.183.338	(919.397.916)	6.435.785.422
	<u>217.635.324.365</u>	<u>12.672.047.765</u>	<u>(55.994.120.463)</u>	<u>174.313.251.667</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

18 VAY (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn (tiếp theo)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng số 40925/19MN/HĐTĐ ngày 5 tháng 11 năm 2019 và hợp đồng tín dụng số 13987/20MN/HDTD ngày 20 tháng 7 năm 2020. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm là của hai hợp đồng vay lần lượt là 7,6%/năm và 10,1%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm từ 2014 đến 2019. Mục đích vay để đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi và cơ sở hạ tầng; thanh toán tiền thuê đất cho Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn; mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Thời hạn vay từ 60 tháng đến 96 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, tùy theo từng hợp đồng. Lãi suất áp dụng trong năm là từ 6,8%/năm đến 7,45%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng (Thuyết minh 10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2013, 2014 và 2016. Mục đích vay để đầu tư xây dựng hệ thống nhà kho, thời hạn vay từ 120 tháng đến 144 tháng. Lãi suất quy định trên từng khế ước nhận nợ. Lãi suất áp dụng trong năm là 6,6%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10).
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng số 3019476562/2022-HĐCVDĐT/NHCT680-ICD Long Bình ngày 25 tháng 3 năm 2022. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm là 8,6%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10).
- (v) Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng số SHBVN/CMC/422024/HDCC/LONGBINH ngày 7 tháng 10 năm 2024. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm là 7,2%/năm (Thuyết minh 10).

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	5.242.405.797	4.038.444.891
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh 21)	15.998.716.000	11.456.825.506
Thu tiền khen thưởng	20.000.000	-
Sử dụng quỹ	(7.377.184.191)	(10.252.864.600)
Số dư cuối năm	<u>13.883.937.606</u>	<u>5.242.405.797</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2024		2023	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	24.502.245	-	24.502.245	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.502.245	-	24.502.245	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.502.245	-	24.502.245	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2024		2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	12.575.000	51	12.575.000	51
America LLC	2.697.500	11	-	-
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	1.875.000	8	1.875.000	8
Cổ đông khác	7.354.745	30	10.052.245	41
	<u>24.502.245</u>	<u>100</u>	<u>24.502.245</u>	<u>100</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	24.502.245	245.022.450.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	24.502.245	245.022.450.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	24.502.245	245.022.450.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	245.022.450.000	126.135.332.858	86.013.421.399	457.171.204.257
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	96.634.797.059	96.634.797.059
Chia cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	(48.759.467.550)	(48.759.467.550)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(11.456.825.506)	(11.456.825.506)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	26.056.328.343	(26.056.328.343)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	245.022.450.000	152.191.661.201	96.375.597.059	493.589.708.260
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	103.754.128.524	103.754.128.524
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19) (*)	-	-	(15.998.716.000)	(15.998.716.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	28.980.150.844	(28.980.150.844)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 17) (*)	-	-	(51.626.230.215)	(51.626.230.215)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	245.022.450.000	181.171.812.045	103.524.628.524	529.718.890.569

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt việc phân phối lợi nhuận của năm 2023 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 15.645.916.000 Đồng;
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành: 382.500.000 Đồng, trong đó đã tạm trích trong năm 2023: 259.200.000 Đồng;
- Trích lập quỹ đầu tư và phát triển: 28.980.150.844 Đồng; và
- Chia cổ tức: 51.626.230.215 Đồng.

Đồng thời, Công ty cũng đã tạm trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2024: 229.500.000 Đồng theo Tờ trình số 1380/TT-ICDLB ngày 30 tháng 9 năm 2024.

22 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như trình bày tại Thuyết minh 3.

23 DOANH THU THUẦN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu thuần về cho thuê dịch vụ trong kho, bãi và các dịch vụ đi kèm	399.557.673.823	446.580.886.510
Doanh thu thuần về BCC	58.787.567.337	53.827.380.922
Doanh thu thuần dịch vụ cho thuê cần cầu tại cảng Cát Lái	6.432.714.516	6.655.117.676
	<u>464.777.955.676</u>	<u>507.063.385.108</u>

24 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn về cho thuê dịch vụ trong kho, bãi cùng các dịch vụ đi kèm	259.981.104.782	280.988.460.622
Giá vốn về BCC	32.743.913.212	29.921.256.961
Giá vốn của dịch vụ cho thuê cần cầu tại cảng Cát Lái	2.281.835.958	4.302.982.641
	<u>295.006.853.952</u>	<u>315.212.700.224</u>

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Cổ tức	13.255.221.435	4.410.523.534
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	3.843.341.167	1.606.330.037
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.346.355.968	1.626.545.128
Lãi tiền gửi	2.234.264.594	4.864.550.793
	<u>24.679.183.164</u>	<u>12.507.949.492</u>

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền vay	20.128.061.437	27.183.587.957
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.421.260.465	-
	<u>23.549.321.902</u>	<u>27.453.895.667</u>

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.979.987.829	1.308.519.941
Chi phí hoa hồng, môi giới	1.186.407.287	1.367.892.808
Khác	138.419.543	686.438.284
	<u>3.304.814.659</u>	<u>3.362.851.033</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	29.479.862.076	30.555.198.579
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(7.402.602.606)	1.702.833.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.433.250.658	5.938.327.725
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.632.469.378	2.706.662.872
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.810.432.485	1.774.646.358
Khác	11.816.342.310	10.718.020.006
	<u>41.769.754.301</u>	<u>53.395.688.767</u>

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	126.526.619.804	119.789.511.439
Thuế tính ở thuế suất 20%	25.305.323.961	23.957.902.288
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(2.651.044.287)	(882.104.707)
Chi phí không được khấu trừ	118.211.606	78.916.799
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>22.772.491.280</u>	<u>23.154.714.380</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	22.765.824.457	23.148.047.557
Thuế TNDN - hoãn lại	6.666.823	6.666.823
	<u>22.772.491.280</u>	<u>23.154.714.380</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.014.073.973	199.659.376.347
Chi phí nhân viên	74.543.218.357	84.542.275.663
Chi phí khấu hao TSCĐ	69.691.522.670	70.762.082.940
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(7.402.602.606)	1.702.833.227
Chi phí khác	16.235.210.518	15.304.671.847
	<u>340.081.422.912</u>	<u>371.971.240.024</u>

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ cho thuê dịch vụ trong kho, bãi, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh cho thuê dịch vụ trong kho, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Do vậy, Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất.

32 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (“BCLCTT”)**Giao dịch ảnh hưởng đến BCLCTT**

	2024 VND	2023 VND
Mua sắm, xây dựng TSCĐ nhưng chưa thanh toán	1.388.035.079	22.989.781.799
Ứng trước tiền mua và xây dựng TSCĐ	22.122.208.120	410.337.274

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, một công ty thành lập tại Việt Nam, ("Công ty mẹ cao nhất") do Công ty mẹ cao nhất nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty.

Trong năm, Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau đây:

Tên	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	Công ty có liên quan của nguyên Chủ tịch HĐQT (đến 17 tháng 4 năm 2024)

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	22.012.357.334	27.206.568.522
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	5.017.940.648	15.650.319.721
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	4.177.183.500	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	1.751.215.530	1.664.882.604
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	199.800.000	-
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	118.050.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	76.817.500	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	42.649.561	41.236.124
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	13.464.608	14.701.252
	<u>33.409.478.681</u>	<u>44.577.708.223</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	71.111.469.389	60.109.294.539
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	10.589.414.400	10.269.849.600
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	3.759.088.800	3.539.055.300
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.046.816.301	4.054.325.657
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	2.505.450.000	10.832.211.600
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	1.657.600.555	507.336.381
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	731.168.295	886.950.640
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	493.510.356	280.529.277
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	473.544.000	473.544.000
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	72.529.109	276.668.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	49.661.446	-
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	44.025.834	8.038.725
	<u>94.534.278.485</u>	<u>91.237.803.719</u>

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	4.621.639.538	4.617.401.559
Trong đó:		
Hội đồng Quản trị		
Ông Phan Văn Tiến - Chủ tịch HĐQT (từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)	464.660.560	-
Ông Trần Triệu Phú - Chủ tịch HĐQT (đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)	415.702.265	1.021.488.820
Ông Phan Anh Tuấn - Thành viên HĐQT	1.010.043.117	1.015.858.536
Ông Cao Ngọc Đức - Thành viên HĐQT	84.000.000	84.600.000
Ông Nguyễn Đức Anh - Thành viên HĐQT	84.000.000	84.600.000
Ông Hà Anh Dũng - Thành viên HĐQT (từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)	59.500.000	-
Ông Phạm Văn Phòng - Thành viên HĐQT (đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)	17.500.000	84.600.000
Ban Giám đốc		
Bà Đoàn Thị Hằng - Phó Giám đốc	785.733.721	817.144.696
Ông Nguyễn Thành Nhân - Phó Giám đốc	700.956.205	694.262.637
Ông Nguyễn Chí Tùng - Phó Giám đốc (từ ngày 26 tháng 8 năm 2024)	224.680.600	-
Kế toán trưởng		
Ông Lê Quỳnh Quang	648.863.070	653.728.245
Ban kiểm soát		
Ông Thái Hoàng Lam - Trưởng Ban kiểm soát	50.400.000	50.600.000
Ông Nguyễn Đức Khiêm - Trưởng Ban kiểm soát	-	34.918.625
Ông Trần Nghĩa Sĩ - Thành viên Ban kiểm soát	37.800.000	37.800.000
Ông Trần Quốc Việt - Thành viên Ban kiểm soát	37.800.000	37.800.000
iv) Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	12.434.057.708	3.672.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	268.534.227	257.976.034
	<u>12.702.591.935</u>	<u>3.929.976.034</u>
v) Nhận góp vốn cho hợp đồng hợp tác kinh doanh		
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	23.768.397.668	-

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	569.331.540	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	165.763.000	697.047.120
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	156.774.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	80.828.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	77.443.412	131.999.343
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.805.100	5.696.777
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	-	1.702.244
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	3.712.248.966
	<u>1.052.945.052</u>	<u>4.548.694.450</u>
ii) Phải thu khác		
Ngắn hạn (Thuyết minh 7(a))		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	<u>15.376.573</u>	<u>8.652.908</u>
Dài hạn (Thuyết minh 7(b))		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.265.400.000	1.265.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	1.200.000.000
	<u>1.265.400.000</u>	<u>2.465.400.000</u>

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	190.024.498.344	174.990.500.116
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.959.851.520	2.856.712.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	521.252.370	1.401.368.665
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	259.200.000	195.491.200
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	222.750.000	359.370.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	136.517.012	273.057.915
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	95.044.000	95.044.000
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	34.320.000	-
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	15.272.000	-
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	5.496.000	20.306.160
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	1.837.330.000
	<u>193.274.201.246</u>	<u>182.029.180.376</u>
iv) Doanh thu chưa thực hiện		
Ngắn hạn (Thuyết minh 15(a))		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	936.067.596	936.067.596
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	1.145.371.901
	<u>936.067.596</u>	<u>2.081.439.497</u>
Dài hạn (Thuyết minh 15(b))		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	30.940.801.300	31.876.868.896
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	38.766.942.130
	<u>30.940.801.300</u>	<u>70.643.811.026</u>

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
v) Phải trả khác		
Ngắn hạn (Thuyết minh 16(a))		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	45.670.736.391	37.265.693.331
Dài hạn (Thuyết minh 16(b))		
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	23.768.397.668	-
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	4.930.200.000
	<u>23.768.397.668</u>	<u>4.930.200.000</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long không còn là bên liên quan của Công ty.

34 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2024 VND	2023 VND
Dưới 1 năm	58.293.658.144	78.106.394.387
Từ 1 đến 5 năm	167.825.300.512	148.557.487.598
Trên 5 năm	13.161.743.416	90.723.214.475
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>239.280.702.072</u>	<u>317.387.096.460</u>

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng như sau:

	2024 VND	2023 VND
Dự án đầu tư xây dựng kho 26&27 tại Khu dịch vụ Long Bình	71.470.579.680	-

35 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Công ty sẽ chào bán 12.350.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo phương án phát hành đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2024/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 5 tháng 3 năm 2025.



Phạm Thị Phương
Người lập



Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng



Phan Anh Tuấn
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

M.S.D.A.

M.S.D.A.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 3601033213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 28 tháng 4 năm 2023

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Văn Tiến	Chủ tịch (từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Ông Trần Triệu Phú	Chủ tịch (đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên
Ông Cao Ngọc Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Anh	Thành viên
Ông Hà Anh Dũng	Thành viên (từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Ông Phạm Văn Phòng	Thành viên (đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Ông Thái Hoàng Lam	Trưởng ban
Ông Trần Nghĩa Sĩ	Thành viên
Ông Trần Quốc Việt	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Nhân	Phó Giám đốc
Bà Đoàn Thị Hằng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Tùng	Phó Giám đốc (từ ngày 28 tháng 6 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Phan Anh Tuấn	Giám đốc
-------------------	----------

Trụ sở chính

Số 10 Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, Phường Long Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình ("Công ty mẹ") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Nhóm Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Nhóm Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất này. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 51. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Anh Tuấn
Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 5 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình ("Công ty mẹ") và Công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Anh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Thái Văn Cường
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3435-2025-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM 16190
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		368.836.155.471	333.214.234.901
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	248.672.167.549	204.095.572.047
111	Tiền		169.672.167.549	122.095.572.047
112	Các khoản tương đương tiền		79.000.000.000	82.000.000.000
120	Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		7.400.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	7.400.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		111.684.379.415	125.781.379.153
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	85.724.062.572	127.130.192.399
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	22.122.208.120	410.337.274
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	5.496.939.849	7.302.283.212
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(1.658.831.126)	(9.061.433.732)
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.079.608.507	3.337.283.701
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.079.608.507	839.658.708
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12(a)	-	2.340.963.384
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(a)	-	156.661.609

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)


Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.218.380.783.014	1.252.972.833.019
210	Khoản phải thu dài hạn		2.694.900.000	2.694.900.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	2.694.900.000	2.694.900.000
220	Tài sản cố định		740.557.242.482	813.748.704.941
221	Tài sản cố định hữu hình	10	740.557.242.482	813.716.941.056
222	Nguyên giá		1.412.390.148.093	1.411.406.935.487
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(671.832.905.611)	(597.689.994.431)
227	Tài sản cố định vô hình		-	31.763.885
228	Nguyên giá		2.872.771.400	2.872.771.400
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.872.771.400)	(2.841.007.515)
240	Tài sản dở dang dài hạn		3.236.194.235	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.236.194.235	-
250	Đầu tư tài chính dài hạn		7.238.210.000	7.238.210.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	7.238.210.000	7.238.210.000
260	Tài sản dài hạn khác		464.654.236.297	429.291.018.078
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	464.431.453.257	429.061.568.215
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		222.783.040	229.449.863
270	TỔNG TÀI SẢN		1.587.216.938.485	1.586.187.067.920

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.012.098.889.230	1.033.107.922.584
310	Nợ ngắn hạn		474.959.333.724	429.677.925.076
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	225.091.028.571	228.778.182.594
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	13.084.279.861	10.349.034.491
314	Phải trả người lao động	13	17.901.805.094	22.543.748.331
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	30.822.739.579	10.361.028.730
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15(a)	3.596.545.728	3.596.545.728
319	Phải trả ngắn hạn khác	16(a)	116.008.074.322	83.819.001.167
320	Vay ngắn hạn	17(a)	53.855.629.606	59.969.673.765
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	4.300.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	14.599.230.963	5.960.710.270
330	Nợ dài hạn		537.139.555.506	603.429.997.508
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15(b)	118.373.417.561	121.970.052.053
337	Phải trả dài hạn khác	16(b)	243.947.758.010	263.319.492.822
338	Vay dài hạn	17(b)	174.313.251.667	217.635.324.365
342	Dự phòng phải trả dài hạn		505.128.268	505.128.268
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		575.118.049.255	553.079.145.336
410	Vốn chủ sở hữu		575.118.049.255	553.079.145.336
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	245.022.450.000	245.022.450.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		245.022.450.000	245.022.450.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	189.315.113.795	160.054.756.248
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	108.538.897.704	108.856.114.921
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	17.180.505.309
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		108.538.897.704	91.675.609.612
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		32.241.587.756	39.145.824.167
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.587.216.938.485	1.586.187.067.920


Phạm Thị Phương
Người lập


Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng



Phan Anh Tuấn
Giám đốc

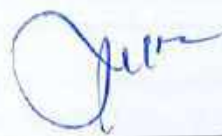
Ngày 5 tháng 3 năm 2025


Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	496.165.109.794	531.536.473.621
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	496.165.109.794	531.536.473.621
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(305.905.140.995)	(321.116.543.060)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	190.259.968.799	210.419.930.561
21	Doanh thu hoạt động tài chính	12.494.641.569	8.994.804.095
22	Chi phí tài chính	(23.550.266.542)	(27.463.625.363)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(20.128.061.437)	(27.193.199.068)
25	Chi phí bán hàng	(4.174.983.659)	(3.780.201.033)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(46.789.102.055)	(57.881.449.156)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	128.240.258.112	130.289.459.104
31	Thu nhập khác	1.218.249.688	4.562.592
32	Chi phí khác	(518.404.542)	(496.159.375)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	699.845.146	(491.596.783)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	128.940.103.258	129.797.862.321
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(25.735.408.816)	(25.911.099.596)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(6.666.823)	(6.666.823)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	103.198.027.619	103.880.095.902
61	Phân bổ cho: Chủ sở hữu của công ty mẹ	97.377.828.786	98.530.619.469
62	Cổ đông không kiểm soát	5.820.198.833	5.349.476.433
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.294	3.334
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.294	3.334


Phạm Thị Phương
Người lập


Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng

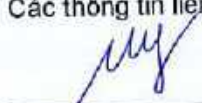

Phan Anh Tuấn
Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2025

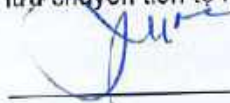
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	128.940.103.258	129.797.862.321
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	74.174.675.065	74.888.629.956
03	(Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng	(11.702.602.606)	6.507.961.495
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(3.843.428.779)	(1.606.083.219)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(3.297.111.694)	(5.762.175.748)
06	Chi phí lãi vay	20.128.061.437	27.193.199.068
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	204.399.696.681	231.019.393.873
09	Giảm các khoản phải thu	45.785.980.764	8.067.671.150
11	Tăng các khoản phải trả	40.754.229.011	50.914.821.536
12	Tăng chi phí trả trước	(35.609.834.841)	(37.114.563.427)
14	Tiền lãi vay đã trả	(20.195.509.150)	(27.193.529.290)
15	Thuế TNDN đã nộp	(28.931.544.422)	(26.844.150.962)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	20.000.000	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(8.471.925.191)	(11.369.861.600)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	197.751.092.852	187.479.781.280
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(49.215.353.027)	(9.917.153.415)
23	Tiền chi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(37.400.000.000)	(47.100.000.000)
24	Tiền thu hồi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	48.540.260.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	3.137.903.528	5.762.175.748
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(53.477.449.499)	(2.714.717.667)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	12.672.047.765	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(62.108.164.622)	(67.236.444.840)
36	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông	(54.186.685.358)	(51.068.917.811)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(103.622.802.215)	(118.305.362.651)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	40.650.841.138	66.459.700.962
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	204.095.572.047	135.858.000.075
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	3.925.754.364	1.777.871.010
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	248.672.167.549	204.095.572.047

Các thông tin liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 32.


Phạm Thị Phương
Người lập


Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng


Phan Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình ("Công ty mẹ") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601033213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 28 tháng 4 năm 2023.

Cổ đông lớn nhất của Công ty mẹ là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Chi tiết tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 19.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là ILB từ ngày 15 tháng 5 năm 2019.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") là cho thuê dịch vụ trong kho, bãi, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm (bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển,...).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có 1 công ty con như sau:

Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31.12.2024 và ngày 31.12.2023	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Thuê kho bãi, lưu trữ hàng hóa; vận tải, bốc xếp, đóng gói hàng hóa	Tỉnh Đồng Nai	51%	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty có 346 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 344 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Nhóm Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Nhóm Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Nhóm Công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Nhóm Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Nhóm Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa Nhóm Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC hoặc được kiểm soát bởi một trong số các bên. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản/ hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát/ chia lợi nhuận sau thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận sau thuế.

BCC chia LNST là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

Nếu Nhóm Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ tỷ lệ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia BCC trong năm.

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Phần mềm	3 năm
TSCĐ khác	3 - 5 năm

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước cho các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước cho phần thuê cơ sở hạ tầng, sửa chữa tài sản cố định và các chi phí khác có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trước khi tài sản hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Nhóm Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Nhóm Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Nhóm Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc năm tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều năm tài chính chủ yếu bao gồm cho thuê dịch vụ trong kho. Nhóm Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Nhóm Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Nhóm Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.20 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Nhóm Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để khen thưởng và chi trả phúc lợi cho nhân viên.

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Nhóm Công ty được xác lập quyền nhận cổ tức được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.22 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính, chủ yếu bao gồm chi phí đi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

2.26 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và các công ty con khác của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Nhóm Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc của Nhóm Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Nhóm Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

2.29 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2024 VND	2023 VND
Tiền mặt	388.717.228	1.298.668.687
Tiền gửi ngân hàng	169.283.450.321	120.796.903.360
Các khoản tương đương tiền (*)	79.000.000.000	82.000.000.000
	<u>248.672.167.549</u>	<u>204.095.572.047</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3%/năm đến 3,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là từ 3%/năm đến 4,75%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 4.731.332,01 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3.455.945,28 Đô la Mỹ và 35.271,19 Euro).

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,3%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	5.238.210.000	27.742.000.900	5.238.210.000	20.613.080.350
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (ii)	2.000.000.000	(*)	2.000.000.000	(*)
	<u>7.238.210.000</u>		<u>7.238.210.000</u>	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

(i) Đây là khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Quân Đội thông qua đại diện là Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty sở hữu 1.105.259 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị ghi số là 5.238.210.000 Đồng. Giá cổ phiếu thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 Đồng, sở hữu 200.000 cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ và quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	14.758.840.568	17.161.018.150
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Hải Nam	8.056.860.205	18.883.963.992
Khác	61.932.860.159	86.668.515.150
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	975.501.640	4.416.695.107
	<u>85.724.062.572</u>	<u>127.130.192.399</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn với số tiền lần lượt là 2.971.331.126 Đồng và 37.703.813.268 Đồng, và Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với số tiền lần lượt là 1.658.831.126 Đồng và 9.061.433.732 Đồng. Ngoài ra, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khác quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi như trình bày tại Thuyết minh 8.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đất Cảng E&C	22.072.721.342	-
Khác	49.486.778	410.337.274
	<u>22.122.208.120</u>	<u>410.337.274</u>

7 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2024		2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên thứ ba				
Tạm ứng cho nhân viên	1.526.070.767	-	2.855.409.365	-
Chi hộ	1.810.411.671	-	2.565.227.041	-
Ký quỹ, ký cược	1.383.700.000	-	1.328.700.000	-
Lãi tiền gửi dự thu	159.208.166	-	-	-
Khác	602.172.672	-	544.293.898	-
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	15.376.573	-	8.652.908	-
	<u>5.496.939.849</u>	<u>-</u>	<u>7.302.283.212</u>	<u>-</u>

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2024		2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược				
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	1.265.400.000	-	2.465.400.000	-
Bên thứ ba	1.429.500.000	-	229.500.000	-
	<u>2.694.900.000</u>	<u>-</u>	<u>2.694.900.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI

	2024		Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.312.500.000	1.312.500.000	Từ 6 tháng - 1 năm
Công ty Cổ phần Tiên Nga	917.432.110	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH JLL Express Việt Nam	607.993.490	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Con đường Vận chuyển	133.405.526	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thái Bình Long			
	<u>2.971.331.126</u>	<u>1.312.500.000</u>	<u>(1.658.831.126)</u>

	2023		Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	18.883.963.992	12.878.125.427	Từ 6 tháng - 3 năm
Công ty Cổ phần Tiên Nga	17.161.018.150	15.764.254.109	Từ 6 tháng - 1 năm
Công ty Cổ phần Tân Vinh Cửu	917.432.110	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH JLL Express Việt Nam	607.993.490	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Con đường Vận chuyển	133.405.526	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thái Bình Long			
	<u>37.703.813.268</u>	<u>28.642.379.536</u>	<u>(9.061.433.732)</u>

Handwritten signature or stamp in red ink.

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng (*)	394.183.620.970	366.597.102.110
Chi phí sửa chữa TSCĐ	68.968.187.548	61.191.051.706
Khác	1.279.644.739	1.273.414.399
	<u>464.431.453.257</u>	<u>429.061.568.215</u>

(*) Đây là tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, trả trước cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn theo các hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng như sau:

Hợp đồng	Ngày hợp đồng	Mục đích thuê	Thời hạn	Thời gian còn phân bổ
02/HĐ-ICDLB	24/9/2009	Đầu tư, khai thác các hoạt động sản xuất kinh doanh	49 năm	33 năm
359/HĐ-KHKD	1/10/2017	Đầu tư, khai thác dịch vụ kho bãi	46 năm	38 năm
243/HĐ-TC-KHKD	10/8/2010	Đầu tư, khai thác các hoạt động sản xuất kinh doanh	49 năm	34 năm
348/HĐ-KHKD	2/1/2020	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	40 năm	35 năm
287/TCT-KHKD	1/9/2018	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	45 năm	38 năm
181/TCT-KHKD	1/1/2015	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	44 năm	34 năm
256/TCT-KHKD	1/6/2015	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	43 năm	33 năm

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	429.061.568.215	391.678.229.963
Tăng	58.994.864.850	58.203.091.201
Phân bổ	(23.624.979.808)	(20.819.752.949)
Số dư cuối năm	<u>464.431.453.257</u>	<u>429.061.568.215</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (“TSCĐ”)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.301.173.385.743	10.846.910.163	86.074.440.464	4.847.764.098	8.464.435.019	1.411.406.935.487
Mua trong năm	1.371.998.050	-	-	827.424.996	468.118.180	2.665.541.226
Giảm do quyết toán	(1.682.328.620)	-	-	-	-	(1.682.328.620)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.300.863.055.173	10.846.910.163	86.074.440.464	5.675.189.094	8.930.553.199	1.412.390.148.093
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	501.335.561.878	8.038.482.186	78.885.164.962	4.279.216.018	5.151.569.387	597.689.994.431
Khấu hao trong năm	66.279.151.457	2.230.603.327	4.248.353.038	385.978.724	998.824.634	74.142.911.180
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	567.614.713.335	10.269.085.513	83.133.518.000	4.665.194.742	6.150.394.021	671.832.905.611
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	799.837.823.865	2.808.427.977	7.189.275.502	568.548.080	3.312.865.632	813.716.941.056
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	733.248.341.838	577.824.650	2.940.922.464	1.009.994.352	2.780.159.178	740.557.242.482

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 68.144.995.033 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 64.331.462.041 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 619 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 670 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 17).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024		2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	32.039.577.325	32.039.577.325	47.104.017.741	47.104.017.741
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	193.051.451.246	193.051.451.246	181.674.164.853	181.674.164.853
	<u>225.091.028.571</u>	<u>225.091.028.571</u>	<u>228.778.182.594</u>	<u>228.778.182.594</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có nhà cung cấp bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phải thu/ nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Số đã thực thu/ nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
(a) Phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ	2.340.963.384	18.681.624.245	(21.382.329.442)	359.741.813	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	156.661.609	-	(163.564.359)	6.902.750	-	-
(b) Phải nộp						
Thuế TNDN (*)	10.349.034.491	29.636.476.876	-	-	(28.931.544.422)	11.053.966.945
Thuế GTGT	-	45.242.498.969	(21.382.329.442)	359.741.813	(22.536.525.213)	1.683.386.127
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.780.932.739	(163.564.359)	6.902.750	(2.277.344.341)	346.926.789
Khác	-	6.000.000	-	-	(6.000.000)	-
	10.349.034.491	77.665.908.584	(21.545.893.801)	366.644.563	(53.751.413.976)	13.084.279.861

(*) Thuế TNDN phải nộp trong năm bao gồm thuế TNDN Nhóm Công ty tạm tính phải nộp cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty và số thuế TNDN liên quan đến BCC với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình, chi tiết như sau:

Thuế TNDN – Công ty tạm tính phải nộp	25.735.408.816
Thuế TNDN – BCC	3.901.068.060
	<u>29.636.476.876</u>



13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện khoản tiền lương và các khoản tiền thưởng phải trả cho cán bộ công nhân viên.

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuê	26.043.441.333	1.180.985.687
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	1.347.788.050	2.605.488.037
Lãi vay	295.767.422	363.215.135
Khác	3.135.742.774	6.211.339.871
	<u>30.822.739.579</u>	<u>10.361.028.730</u>

15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**(a) Ngắn hạn**

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	1.999.581.396	1.999.581.396
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	1.145.371.901	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	451.592.431	451.592.431
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	-	1.145.371.901
	<u>3.596.545.728</u>	<u>3.596.545.728</u>

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	66.123.956.648	68.123.626.796
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	37.621.570.222	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	14.627.890.691	15.079.483.127
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	-	38.766.942.130
	<u>118.373.417.561</u>	<u>121.970.052.053</u>

16 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Cổ tức (*)	14.690.101.082	5.304.108.624
Nhận ký quỹ, ký cược (***)	33.487.725.993	23.125.091.623
Phải trả BCC - Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	15.369.072.239	14.517.937.762
Khác	6.790.438.617	3.606.169.827
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b)) (**)	45.670.736.391	37.265.693.331
	<u>116.008.074.322</u>	<u>83.819.001.167</u>

(*) Biến động về cổ tức phải trả trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	5.304.108.624	4.085.558.885
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 20)	63.572.677.816	52.287.467.550
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(54.186.685.358)	(51.068.917.811)
Số dư cuối năm	<u>14.690.101.082</u>	<u>5.304.108.624</u>

(**) Đây là khoản phải trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ("Công ty mẹ") liên quan đến tiền sử dụng đất của hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng. Theo đó, tiền sử dụng đất trong năm 2024 của Nhóm Công ty được ước tính tăng 15% so với đơn giá sử dụng đất năm 2018 theo hướng dẫn của Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Tuy nhiên, trong năm tài chính, Nhóm Công ty sẽ chi trả khoản chi phí này theo Thông tri của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Nhận đặt cọc/vốn góp thực hiện BCC Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu (i)	88.258.105.712	113.825.746.125
Công ty Cổ phần Tiến Nga (ii)	19.075.000.000	21.400.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (iii)	89.623.016.855	91.163.717.577
Nhận ký quỹ, ký cược (***)	23.223.237.775	31.999.829.120
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b)) (iv)	23.768.397.668	4.930.200.000
	<u>243.947.758.010</u>	<u>263.319.492.822</u>

(***) Đây là các khoản nhận ký quỹ, ký cược liên quan đến việc Nhóm Công ty cho khách hàng thuê dịch vụ trong kho.

16 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

- (i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/HĐ-ICDLB-TAVICO ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa Nhóm Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống kho, sân bãi, nhà xưởng, trung tâm phân phối trên diện tích 38,012 ha Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình. Bên A góp bằng quyền khai thác cơ sở hạ tầng và Bên B góp bằng giá trị xây dựng. Bên B chịu trách nhiệm đại diện quản lý hợp doanh và trả lợi nhuận cố định cho Bên A, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động thực tế của hợp doanh. Thời gian hợp tác từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2062. Bên B có nghĩa vụ đặt cọc cho Bên A 113.825.746.125 Đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Từ năm 2031, tiền đặt cọc này sẽ được căn trừ dần vào lợi nhuận hàng năm phải trả cho Bên A.
- (ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ-ICD-TN ký ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa Nhóm Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Tiến Nga (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống kho, bãi, trung tâm phân phối hàng hóa trên diện tích 20,37 ha Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình. Bên A góp bằng quyền khai thác cơ sở hạ tầng và Bên B góp bằng hệ thống nhà kho, công trình phụ trợ. Bên B chịu trách nhiệm đại diện quản lý hợp doanh và trả lợi nhuận cố định cho Bên A, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động thực tế của hợp doanh. Thời gian hợp tác là 42 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Bên B có nghĩa vụ đặt cọc cho Bên A 23.200.000.000 Đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Tiền đặt cọc này sẽ được căn trừ dần vào lợi nhuận hàng năm phải trả cho Bên A.
- (iii) Nhóm Công ty và Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình đã ký hợp đồng BCC dài hạn, trong đó, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình góp tỷ lệ 49% và được chia lợi nhuận sau thuế tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn, chi tiết như sau:

Hợp đồng	Mục đích hợp tác	Thời hạn	Số tiền góp (VND)
HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB ngày 21 tháng 9 năm 2013	Đầu tư xây dựng kho 1A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	45 năm kể từ ngày ký hợp đồng	23.143.016.855
Phụ lục 01 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL1 ngày 8 tháng 5 năm 2014	Xây dựng thêm kho 14A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	Theo thời gian của hợp đồng số 485/HĐ-ICDLB-SZB	27.139.000.000
Phụ lục 02 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL2 ngày 15 tháng 6 năm 2015	Xây dựng thêm kho 20 tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	Theo thời gian 45 năm của hợp đồng số 485/HĐ-ICDLB-SZB và Phụ lục 01	39.341.000.000
			89.623.016.855

16 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

- (iv) Đây là một phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/2023/ILB-HTTC ký ngày 23 tháng 10 năm 2023 giữa Nhóm Công ty (Bên A) và Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng 2 kho hàng số 26, 27 tại Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình và kinh doanh dịch vụ kho, dịch vụ logistic cùng các dịch vụ giá trị gia tăng liên quan khác. Bên B góp tỷ lệ 49% (trong đó vốn góp bằng tiền mặt là 87.499.000.000 Đồng) và được chia lợi nhuận trước thuế tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn. Thời gian hợp tác từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 đến ngày 23 tháng 10 năm 2043.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Phân loại lại VND	Thanh toán VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Vay dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (i)	21.127.762.960	22.222.411.522	(21.596.898.058)	21.753.276.424
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (ii)	20.833.843.528	16.505.532.230	(20.833.843.528)	16.505.532.230
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (iii)	13.000.000.000	8.000.000.000	(13.000.000.000)	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iv)	5.008.067.277	8.346.778.795	(6.677.423.036)	6.677.423.036
Ngân hàng TMCP Một thành viên Shinhan Việt Nam (v)	-	919.397.916	-	919.397.916
	<u>59.969.673.765</u>	<u>55.994.120.463</u>	<u>(62.108.164.622)</u>	<u>53.855.629.606</u>

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Tăng VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (i)	95.701.008.329	5.316.864.427	(22.222.411.522)	78.795.461.234
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (ii)	52.832.379.209	-	(16.505.532.230)	36.426.846.979
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (iii)	18.921.264.068	-	(8.000.000.000)	10.921.264.068
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iv)	50.080.672.759	-	(8.346.778.795)	41.733.893.964
Ngân hàng TMCP Một thành viên Shinhan Việt Nam (v)	-	7.355.183.338	(919.397.916)	6.435.785.422
	<u>217.635.324.365</u>	<u>12.672.047.765</u>	<u>(55.994.120.463)</u>	<u>174.313.251.667</u>

17 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng số 40925/19MN/HĐTD ngày 5 tháng 11 năm 2019 và hợp đồng tín dụng số 13987/20MN/HĐTD ngày 20 tháng 7 năm 2020. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm là của hai hợp đồng vay lần lượt là 7,6%/năm và 10,1%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm từ 2014 đến 2019. Mục đích vay để đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi và cơ sở hạ tầng; thanh toán liên thuế đất cho Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn; mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Thời hạn vay từ 60 tháng đến 96 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, tùy theo từng hợp đồng. Lãi suất áp dụng trong năm là từ 6,8%/năm đến 7,45%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng (Thuyết minh 10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2013, 2014 và 2016. Mục đích vay để đầu tư xây dựng hệ thống nhà kho, thời hạn vay từ 120 tháng đến 144 tháng. Lãi suất quy định trên từng khế ước nhận nợ. Lãi suất áp dụng trong năm là 6,6%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10).
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng số 3019476562/2022-HĐCVDĐT/NHCT680-ICD Long Bình ngày 25 tháng 3 năm 2022. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm là 8,6%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10).
- (v) Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng số SHBVN/CMCI/422024/HĐCC/LONGBINH ngày 7 tháng 10 năm 2024. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm là 7.2%/năm (Thuyết minh 10).

18 QUỸ KHEN THƯỜNG PHÚC LỢI

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	5.960.710.270	4.588.278.732
Trích trong năm (Thuyết minh 20)	17.090.445.884	12.742.293.138
Thu tiền khen thưởng	20.000.000	-
Sử dụng quỹ	(8.471.925.191)	(11.369.861.600)
Số dư cuối năm	<u>14.599.230.963</u>	<u>5.960.710.270</u>

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2024		2023	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	24.502.245	-	24.502.245	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.502.245	-	24.502.245	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>24.502.245</u>	<u>-</u>	<u>24.502.245</u>	<u>-</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2024		2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	12.575.000	51	12.575.000	51
America LLC	2.697.500	11	-	-
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài Sản Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.875.000	8	1.875.000	8
Các cổ đông khác	7.354.745	30	10.052.245	41
	<u>24.502.245</u>	<u>100</u>	<u>24.502.245</u>	<u>100</u>

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	24.502.245	245.022.450.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	24.502.245	245.022.450.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	24.502.245	245.022.450.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2024/NQ- ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt việc phân phối lợi nhuận của năm 2023 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 15.645.916.000 Đồng;
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành: 382.500.000 Đồng, trong đó đã tạm trích trong năm 2023: 259.200.000 Đồng;
- Trích lập quỹ đầu tư và phát triển: 28.980.150.844 Đồng; và
- Chia cổ tức: 51.626.230.215 Đồng.

Đồng thời, Công ty cũng đã tạm trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2024: 229.500.000 Đồng theo Tờ trình số 1380/TTr-ICDLB ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Theo Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty con số 01/2024/BB- ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông Công ty con phê duyệt việc phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 1.091.729.884 Đồng;
- Trích lập quỹ đầu tư và phát triển: 2.129.568.958 Đồng;
- Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát và chi thường ban quản lý công ty: 496.000.000 Đồng;
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023: 7.200.000.000 Đồng.
- Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2022: 17.180.505.309 Đồng.

21 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thường phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024	31.12.2023 (*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	97.377.828.786	98.530.619.469
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty mẹ (VND) (**)	(16.664.970.000)	(16.838.158.241)
	<u>80.712.858.786</u>	<u>81.692.461.228</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	24.502.245	24.502.245
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	<u>3.294</u>	<u>3.334</u>

21 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

- (*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích thù lao, thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để phản ánh khoản thực trích các quỹ theo phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông theo Nghị quyết số 02/2024/NQ- ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được tính lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2023		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	98.530.619.469	-	98.530.619.469
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi của công ty mẹ (VND)	(17.247.091.830)	408.933.589	(16.838.158.241)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	81.283.527.639	408.933.589	81.692.461.228
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	24.502.245	-	24.502.245
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	3.317	17	3.334

- (**) Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được ước tính dựa trên số dự kiến trích quỹ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông theo Nghị quyết số 02/2024/NQ- ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

22 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như trình bày tại Thuyết minh 3.

23 DOANH THU THUẬN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu thuận về cho thuê dịch vụ trong kho, bãi và các dịch vụ đi kèm	430.944.827.941	471.053.975.023
Doanh thu thuận về BCC	58.787.567.337	53.827.380.922
Doanh thu thuận dịch vụ cho thuê cần cầu tại cảng Cát Lái	6.432.714.516	6.655.117.676
	<u>496.165.109.794</u>	<u>531.536.473.621</u>

24 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn về cho thuê dịch vụ trong kho, bãi và các dịch vụ đi kèm	270.879.391.825	286.892.303.458
Giá vốn về BCC	32.743.913.212	29.921.256.961
Giá vốn dịch vụ cho thuê cần cầu tại cảng Cát Lái	2.281.835.958	4.302.982.641
	<u>305.905.140.995</u>	<u>321.116.543.060</u>

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	3.843.428.779	1.606.083.219
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.354.101.096	1.626.545.128
Lãi tiền gửi	2.475.947.967	5.023.652.213
Cổ tức	821.163.727	738.523.535
	<u>12.494.641.569</u>	<u>8.994.804.095</u>

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền vay	20.128.061.437	27.193.199.068
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.422.205.105	270.426.295
	<u>23.550.266.542</u>	<u>27.463.625.363</u>

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.217.327.829	1.625.369.941
Chi phí hoa hồng, môi giới	1.819.236.287	1.468.392.808
Khác	138.419.543	686.438.284
	<u>4.174.983.659</u>	<u>3.780.201.033</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	33.476.887.995	34.333.661.929
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(7.402.602.606)	1.702.833.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.428.597.334	6.615.300.018
Chi phí khấu hao	2.659.444.537	2.736.987.618
Chi phí khác	14.626.774.795	12.492.666.364
	<u>46.789.102.055</u>	<u>57.881.449.156</u>

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Nhóm Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	128.940.103.258	129.797.862.321
Thuế tính ở thuế suất 20%	25.788.020.652	25.959.572.464
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(164.232.746)	(147.704.707)
Chi phí không được khấu trừ	118.287.733	105.898.662
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>25.742.075.639</u>	<u>25.917.766.419</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:		
Thuế TNDN - hiện hành	25.735.408.816	25.911.099.596
Thuế TNDN - hoãn lại	6.666.823	6.666.823
	<u>25.742.075.639</u>	<u>25.917.766.419</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.433.183.716	200.456.041.578
Chi phí nhân viên	79.981.419.584	89.762.714.807
Chi phí khấu hao TSCĐ	74.174.675.065	74.888.629.956
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(7.402.602.606)	1.702.833.227
Chi phí khác	17.682.550.950	15.967.973.681
	<u>356.869.226.709</u>	<u>382.778.193.249</u>

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Nhóm Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ cho thuê dịch vụ trong kho, bãi, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ cho thuê dịch vụ trong kho, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty. Do vậy, Ban Giám đốc cho rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất.

32 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (“BCLCTT”)**Giao dịch ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Mua sắm, xây dựng TSCĐ nhưng chưa thanh toán	1.388.035.079	22.989.781.799
Ứng trước tiền mua và xây dựng TSCĐ	22.122.208.120	410.337.274

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nhóm Công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, một công ty thành lập tại Việt Nam, ("Công ty mẹ cao nhất") do nắm giữ 51% vốn điều lệ của Nhóm Công ty.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty mẹ cao nhất Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	Công ty có liên quan của Nguyên chủ tịch HĐQT (đến 17 tháng 4 năm 2024)

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	22.012.357.334	27.206.568.522
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	5.017.940.648	15.650.319.721
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	4.177.183.500	-
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	199.800.000	-
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	118.050.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	76.817.500	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	42.649.561	41.236.124
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	13.464.608	14.701.252
	<u>31.658.263.151</u>	<u>42.912.825.619</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	71.144.572.810	60.142.658.268
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	10.589.414.400	10.269.849.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.236.279.113	4.360.514.422
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	2.505.450.000	10.832.211.600
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	1.657.600.555	507.336.381
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	731.168.295	886.950.640
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	498.310.356	287.729.277
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	473.544.000	473.544.000
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	72.529.109	276.668.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	49.661.446	-
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	44.052.779	8.038.725
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	1.296.296	-
	<u>91.003.879.159</u>	<u>88.045.500.913</u>

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	4.621.639.538	4.617.401.559
Trong đó:		
Hội đồng Quản trị		
Ông Phan Văn Tiến - Chủ tịch HĐQT (từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)	464.660.560	-
Ông Trần Triệu Phú - Chủ tịch HĐQT (đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)	415.702.265	1.021.488.820
Ông Phan Anh Tuấn - Thành viên HĐQT	1.010.043.117	1.015.858.536
Ông Cao Ngọc Đức - Thành viên HĐQT	84.000.000	84.600.000
Ông Nguyễn Đức Anh - Thành viên HĐQT	84.000.000	84.600.000
Ông Hà Anh Dũng - Thành viên HĐQT (từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)	59.500.000	-
Ông Phạm Văn Phòng - Thành viên HĐQT (đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)	17.500.000	84.600.000
	-	-
Ban Giám đốc		
Bà Đoàn Thị Hằng - Phó Giám đốc	785.733.721	817.144.696
Ông Nguyễn Thành Nhân - Phó Giám đốc	700.956.205	694.262.637
Ông Nguyễn Chí Tùng - Phó Giám đốc (từ ngày 26 tháng 8 năm 2024)	224.680.600	-
Kế toán trưởng		
Ông Lê Quỳnh Quang	648.863.070	653.728.245
Ban kiểm soát		
Ông Thái Hoàng Lam - Trưởng Ban kiểm soát	50.400.000	50.600.000
Ông Nguyễn Đức Khiêm - Trưởng Ban kiểm soát	-	34.918.625
Ông Trần Nghĩa Sĩ - Thành viên Ban kiểm soát	37.800.000	37.800.000
Ông Trần Quốc Việt - Thành viên Ban kiểm soát	37.800.000	37.800.000
iv) Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	268.534.227	257.976.034
v) Nhận góp vốn cho hợp đồng hợp tác kinh doanh		
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	23.768.397.668	-

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2024 VND	2023 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	569.331.540	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	165.763.000	697.047.120
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	156.774.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	80.828.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.805.100	5.696.777
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	-	1.702.244
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	3.712.248.966
	<u>975.501.640</u>	<u>4.416.695.107</u>
ii) Phải thu khác		
Ngắn hạn (Thuyết minh 7(a))		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	<u>15.376.573</u>	<u>8.652.908</u>
Dài hạn (Thuyết minh 7(b))		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.265.400.000	1.265.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	1.200.000.000
	<u>1.265.400.000</u>	<u>2.465.400.000</u>

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	190.024.498.344	174.994.854.593
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.959.851.520	2.856.712.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	521.252.370	1.401.368.665
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	259.200.000	195.491.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	136.517.012	273.057.915
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	95.044.000	95.044.000
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	34.320.000	-
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	15.272.000	-
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	5.496.000	20.306.160
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	1.837.330.000
	<u>193.051.451.246</u>	<u>181.674.164.853</u>
iv) Doanh thu chưa thực hiện		
Ngắn hạn (Thuyết minh 15(a))		
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	1.145.371.901
	<u>-</u>	<u>1.145.371.901</u>
Dài hạn (Thuyết minh 15(b))		
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	38.766.942.130
	<u>-</u>	<u>38.766.942.130</u>
v) Phải trả khác		
Ngắn hạn (Thuyết minh 16(a))		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	45.670.736.391	37.265.693.331
	<u>45.670.736.391</u>	<u>37.265.693.331</u>
Dài hạn (Thuyết minh 16(b))		
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	23.768.397.668	-
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (*)	-	4.930.200.000
	<u>23.768.397.668</u>	<u>4.930.200.000</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long không còn là bên liên quan của Nhóm Công ty.

34 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê kho không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2024 VND	2023 VND
Dưới 1 năm	58.293.658.144	78.106.394.387
Từ 1 đến 5 năm	167.825.300.512	148.557.487.598
Trên 5 năm	13.161.743.416	90.723.214.475
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	239.280.702.072	317.387.096.460

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:


	2024 VND	2023 VND
Dự án đầu tư xây dựng kho 26 & 27 tại Khu dịch vụ Long Bình	71.470.579.680	-

35 SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Công ty sẽ chào bán 12.350.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo phương án phát hành đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2024/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 5 tháng 3 năm 2025.


Phạm Thị Phương
Người lập


Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng



Phan Anh Tuấn
Giám đốc